

Để đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư, Ban chỉ đạo đấu giá bán cổ phần lần đầu Công ty TNHH MTV Trục Vớt Cứu Hộ Việt Nam khuyến cáo các nhà đầu tư tiềm năng nên tham khảo tài liệu này trước khi quyết định đăng ký tham dự đấu giá.



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

CÔNG TY TNHH MTV TRỤC VỚT CỨU HỘ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 360 Hai Bà Trưng, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 38294023

Fax : (84-8) 38294025

TỔ CHỨC TƯ VẤN



PSI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Địa chỉ trụ sở: Số 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 11 năm 2014

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI)

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ	1
1. Doanh nghiệp cổ phần hóa	1
2. Ngành nghề kinh doanh	1
3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu:	2
4. Vốn điều lệ sau đợt bán đấu giá.....	2
5. Cổ phần chào bán ra công chúng và giá khởi điểm	3
6. Số lượng cổ phần tối thiểu, tối đa của mỗi tổ chức, cá nhân được đăng ký.....	4
7. Tổ chức tư vấn bán đấu giá	4
II. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ.....	4
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ ĐỊNH NGHĨA CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	7
IV. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA	8
1. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp cổ phần hóa.....	8
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	8
3. Các danh hiệu được tặng thưởng	10
4. Ngành nghề kinh doanh.....	12
5. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu.....	14
6. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần	14
7. Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp.....	15
8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp.....	17
9. Danh sách những Công ty mẹ - Công ty con và công ty đầu tư tài chính.....	21
10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa	21
10.1 <i>Tình hình hoạt động kinh doanh</i>	<i>21</i>
a. <i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ qua các năm</i>	<i>21</i>
b. <i>Nguồn cung.....</i>	<i>23</i>
c. <i>Chi phí hoạt động kinh doanh.....</i>	<i>24</i>
d. <i>Trình độ công nghệ.....</i>	<i>24</i>
e. <i>Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới (nếu có).....</i>	<i>25</i>
f. <i>Hoạt động Marketing.....</i>	<i>25</i>
g. <i>Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền</i>	<i>25</i>
h. <i>Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết.....</i>	<i>26</i>

10.2	Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa.....	26
10.3	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo	28
11.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	28
12.	Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa	29
12.1	Một số thông tin chủ yếu về kế hoạch đầu tư và chiến lược phát triển doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa.....	29
12.2	Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kề sau khi cổ phần hóa.....	30
12.3	Các giải pháp thực hiện.....	31
13.	Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ.....	41
13.1	Vốn điều lệ.....	41
13.2	Phương án tăng giảm vốn điều lệ sau khi chuyển thành công ty cổ phần	42
14.	Các rủi ro dự kiến	42
14.1	Rủi ro về kinh tế.....	42
14.2	Rủi ro về luật pháp.....	42
14.3	Rủi ro đặc thù.....	42
14.4	Rủi ro của đợt chào bán.....	42
14.5	Rủi ro khác.....	43
15.	Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần	43
15.1	Phương thức bán.....	43
15.2	Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán.....	47
16.	Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa	47
17.	Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung các thông tin về doanh nghiệp cổ phần hóa	48
V.	THAY LỜI KẾT.....	49

I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ

1. Doanh nghiệp cổ phần hóa

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TRỰC VỚT CỨU HỘ VIỆT NAM**

Tên tiếng Anh: **VIETNAM SALVAGE SINGLE - MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY**

Tên viết tắt: **VISAL**

Địa chỉ: Số 360 Hai Bà Trưng, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-8) 38294023

Fax : (84-8) 38294025

Mã số thuế : 0300430099

Website : www.visal.com.vn

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300430099 ngày 08/03/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 15/04/2014, ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

Lĩnh vực hàng hải:

- Kinh doanh trực vớt tàu, hàng hóa, tìm kiếm cứu nạn trên biển;
- Lai dắt tàu và vận tải hàng hóa, hành khách;
- Đại lý và dịch vụ cho các tàu của Tổng công ty;
- Lai dắt, hỗ trợ tàu biển và các phương tiện nổi tại các vùng nước cảng biển và đường dài;
- Cứu nạn và cứu hộ trên biển;
- Thực hiện các dịch vụ phòng, chống ô nhiễm môi trường biển nhằm đảm bảo an toàn cho các khu vực hàng hải và các vùng nước cảng biển;
- Dịch vụ hàng hải, cung ứng nhiên liệu (xăng, dầu, mỡ nhờn) cho các tàu nước ngoài đến Việt Nam;
- Xây dựng công trình giao thông thủy (kè ốp bờ và nạo vét, hút thổi luồng lạch, bến tàu, bến cảng);

Lĩnh vực kỹ thuật ngầm:

- Kỹ thuật ngầm dưới nước (khảo sát, quay phim, chụp ảnh, thi công công trình dưới nước);
- Dịch vụ du lịch lặn trong và ngoài nước;
- Phá đá ngầm và cắt phá xác tàu chìm dưới nước;

✚ Lĩnh vực sửa chữa, sản xuất, xây dựng:

- Sửa chữa phương tiện, thiết bị giao thông vận tải;
- Sản xuất sản phẩm công nghiệp khác;
- Xây dựng công trình giao thông và sản xuất vật liệu xây dựng phục vụ thi công các công trình của Tổng công ty;
- Xây dựng công trình công nghiệp trong ngành giao thông vận tải;
- Đào, đắp đất đá, san lấp mặt bằng tạo bãi;
- Gia công, chế sửa lắp ráp các loại kết cấu thép, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Đóng mới phương tiện thủy;
- Gia công dây cao su chằng buộc hàng hóa;

✚ Lĩnh vực kinh doanh thương mại:

- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, phương tiện, thiết bị, hàng hóa phục vụ giao thông vận tải;
- Đại lý kinh doanh mặt hàng nhiên liệu (xăng, dầu, mỡ nhờn);
- Thu gom, giao nhận hàng hóa và kinh doanh bãi container;
- Kinh doanh thương mại và các ngành hàng: thiết bị lặn dưới nước; thiết bị điện, điện tử; vật liệu xây dựng, sắt thép; hàng may mặc; thiết bị, vật tư, máy móc cho ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành xây dựng;
- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, cho thuê văn phòng, nhà xưởng;
- Kinh doanh chiết nạp, phân phối và dịch vụ kỹ thuật khí hóa lỏng.

3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu:

Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu của Công ty là: Kinh doanh trực vớt tàu, hàng hóa, tìm kiếm cứu nạn trên biển. Lai dắt, hỗ trợ tàu biển và các phương tiện nổi tại các vùng nước cảng biển và đường dài. Dịch vụ hàng hải và kỹ thuật ngầm dưới nước. Đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy.

4. Vốn điều lệ sau đợt bán đấu giá

- Vốn điều lệ : **83.100.000.000** đồng
- Số lượng cổ phần : 8.310.000 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần
- Bảng dự kiến cơ cấu cổ đông của Công ty sau khi cổ phần hóa:

TT	Cổ đông	Vốn điều lệ là 83.100 triệu đồng			
		Số lượng Cổ phần	Số tiền (tr.đồng)	Tỷ lệ nắm giữ	Hình thức mua cổ phần
1	Cổ phần Nhà nước	4.071.900	40.719	49,00%	Vốn Nhà nước để lại tại doanh nghiệp khi CPH
2	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động	1.207.200	12.072	14,53%	
2.1	<i>Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước</i>	<i>501.500</i>	<i>5.015</i>	<i>6,03%</i>	<i>Bán ưu đãi giảm giá 40% so với giá bán thấp nhất cổ</i>
2.2	<i>Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ</i>	<i>705.700</i>	<i>7.057</i>	<i>8,49%</i>	<i>Bán bằng giá bán thấp nhất cho cổ đông</i>
3	Cổ phần bán cổ đông chiến lược	1.514.082	15.140,82	18,22%	Trước khi bán đấu giá công
4	Cổ phần bán đấu giá công khai	1.516.818	15.168,18	18,25%	Đấu giá công khai ra bên
	Tổng Cộng	8.310.000	83.100	100%	

5. Cổ phần chào bán ra công chúng và giá khởi điểm

- Số lượng cổ phần chào bán : 1.516.818 cổ phần.
- Loại cổ phần : cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần.
- Giá khởi điểm : 10.000 đồng/cổ phần.

- Bước giá : 100 đồng.
 - Số mức giá : 1 mức giá.
 - Bước khối lượng : 1 cổ phần.
- 6. Số lượng cổ phần tối thiểu, tối đa của mỗi tổ chức, cá nhân được đăng ký**
- Số lượng cổ phần đặt mua tối thiểu: 100 cổ phần.
 - Số lượng cổ phần đặt mua tối đa với cá nhân và tổ chức trong nước: 1.516.818 cổ phần.
 - Số lượng cổ phần đặt mua tối đa với cá nhân và tổ chức nước ngoài: 1.516.818 cổ phần.
 - Số lượng cổ phần đặt mua phải bằng hoặc thấp hơn số lượng cổ phần đăng ký.
- 7. Tổ chức tư vấn bán đấu giá**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

- **Trụ sở chính:** Tầng 2 tòa nhà Hanoitourist, số 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.
Điện thoại: (84-4) 3934 3888 Fax: (84-4) 3934 3999
- **Phòng giao dịch số 2:** Tầng 1 tòa nhà Petro Việt Nam, số 18 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội.
Điện thoại: (84-4) 3772 7308/09/10 Fax: (84-4) 3772 7312
- **Chi nhánh Hồ Chí Minh:** Số 24-26 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (84-8) 3914 6789 Fax: (84-8) 3914 6969
- **Chi nhánh Vũng Tàu:** Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: (84-64) 625 4520/22/23/24/26 Fax: (84-64) 625 4521
- **Chi nhánh Đà Nẵng:** Tầng 3, tòa nhà số 53 Lê Hồng Phong, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.
Điện thoại: (84-511) 389 9338 Fax: (84-511) 389 9339

II. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;

- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Nghị định 189/2013-NĐ-CP ngày 20/11/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính Phủ;
- Căn cứ Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính Phủ;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 1954/QĐ-BGTVT ngày 26/5/2014 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Trục vót Cứu hộ Việt Nam;
- Quyết định số 2046/QĐ-BGTVT ngày 02/6/2014 của Bộ Giao thông Vận tải về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Trục vót Cứu hộ Việt Nam;

- Quyết định số 1129/QĐ-BCĐCPHTVCHVN ngày 05/6/2014 của Trưởng Ban Chỉ đạo về việc thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Trục vót Cứu hộ Việt Nam;
- Công văn số 7120/BGTVT-QLDN ngày 17/6/2014 của Bộ Giao thông Vận tải về thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và lựa chọn đơn vị tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Trục vót Cứu hộ Việt Nam;
- Quyết định số 3875/QĐ-BGTVT ngày 13/10/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Trục vót Cứu hộ Việt Nam để cổ phần hóa;
- Quyết định số 4067/QĐ-BGTVT ngày 27/10/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc điều chỉnh giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Trục vót Cứu hộ Việt Nam thuộc Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Miền Nam;
- Quyết định số 4330/QĐ-BGTVT ngày 14/11/2014 của Bộ Giao thông Vận tải về việc Phê duyệt Phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Trục vót Cứu hộ Việt Nam thành Công ty cổ phần.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ ĐỊNH NGHĨA CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Giải nghĩa
<i>Công ty</i>	Công ty TNHH MTV Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
<i>TNHH MTV</i>	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
<i>CBCNV</i>	Cán bộ công nhân viên
<i>Doanh nghiệp cổ phần</i>	Công ty TNHH MTV Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
<i>Visal</i>	Công ty TNHH MTV Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
<i>Tổ chức tư vấn</i>	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI)
<i>BGTVT</i>	Bộ Giao thông Vận tải
<i>Điều lệ</i>	Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
<i>CP</i>	Cổ phần
<i>VĐL</i>	Vốn điều lệ
<i>GCN QSDĐ</i>	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

IV. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp cổ phần hóa

- Tên gọi đầy đủ: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TRỰC VỚT CỨU HỘ VIỆT NAM**
- Tên tiếng Anh: **VIETNAM SALVAGE SINGLE - MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY**
- Tên viết tắt: **VISAL**
- Địa chỉ: Số 360 Hai Bà Trưng, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 38294023 Fax : (84-8) 38294025
- Website: www.visal.com.vn
- Tài khoản số: 17901.000000540-3 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Tp. Hồ Chí Minh.
- Mã số thuế: 0300430099
- Logo của Công ty:



- Loại hình doanh nghiệp: Là doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập có tư cách pháp nhân và con dấu riêng.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Sau ngày Miền nam được giải phóng, đất nước thống nhất, một trong những nhiệm vụ cấp bách của giao thông vận tải Miền Nam lúc bây giờ là nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, thanh thải chướng ngại vật, khai thông luồng lạch đảm bảo an toàn giao thông hàng hải, phục vụ kịp thời công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế, sự đi lại của nhân dân.

Vì các lý do trên, Cục đường biển (nay là Cục Hàng hải Việt Nam) thấy cần thiết phải có một đơn vị làm nhiệm vụ thanh thải luồng lạch, trục vớt xác tàu chìm, từ đó Công ty Trục vớt được thành lập là tiền thân của Công ty TNHH MTV Trục vớt Cứu hộ Việt Nam hiện nay.

Ngày 30/6/1976, Tổng Cục Giao thông Thủy bộ Miền Nam có Quyết định số 707/QĐTC thành lập Công ty Trục vớt trực thuộc Phân cục Đường Biển Miền Nam để trục vớt các phương tiện tàu thuyền của Mỹ nguy bị đánh đắm trong chiến tranh trên các tuyến đường vận tải thủy. Thăm dò đánh móc báo hiệu nguy hiểm cho tàu thuyền biết khu vực có tàu đắm, giải phóng luồng, giải phóng các chướng ngại vật ở bến cảng.

Ngày 15/3/1980 theo Quyết định số 516/QĐ.TC chuyển Công ty Trục Vớt thành Công ty Trục Vớt Cứu Hộ trực thuộc Tổng Cục Đường Biển chung cả nước.

Ngày 10/9/1982 Chính phủ có Quyết định số 156/HĐBT thành lập XNLH Trục Vớt Cứu Hộ trực thuộc Bộ Giao Thông Vận Tải với nhiệm vụ tổ chức tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn các tàu bè, phương tiện bị nạn; Thăm dò khai thác tài nguyên dưới đáy biển, trục vớt các phương tiện chìm đắm, khai thông luồng lạch, xây dựng các công trình phục vụ sửa chữa, kết hợp với vận tải thủy nội địa và theo sự phân công lại của Bộ Giao Thông Vận Tải ngày 27/12/1994 XNLH Trục Vớt Cứu Hộ trực thuộc Cục Hàng Hải Việt Nam với nhiệm vụ tổ chức cứu hộ các tàu bị nạn trên biển, trục vớt tàu đắm và thu hồi, bảo quản, bảo vệ những tài sản có trong các tàu bị đắm tại vùng biển nước CHXHCN Việt Nam, thanh thải chướng ngại vật trên các luồng ven biển.

Sau đó đổi tên XNLH Trục Vớt Cứu Hộ thành Công ty Trục Vớt Cứu Hộ Việt Nam trực thuộc Cục Hàng Hải Việt Nam theo Quyết định số 721/QĐ-BGTVT ngày 23/3/2006 của Bộ Giao Thông Vận Tải. Đến tháng 6/2010 Công ty được chuyển đổi sang Công ty TNHH MTV Trục Vớt Cứu Hộ Việt Nam do Bộ Giao Thông Vận Tải làm chủ sở hữu theo Quyết định số 1771/QĐ-BGTVT ngày 25/06/2010 của Bộ Giao Thông Vận Tải; Ngày 24/11/2011 Bộ Giao Thông Vận Tải có Quyết định số 2399/QĐ-BGTVT v/v chuyển doanh nghiệp về làm đơn vị thành viên Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam.

Trong giai đoạn phát triển mới, trước sự đòi hỏi của nền kinh tế trong quá trình hội nhập. Đơn vị phải rất linh hoạt trong hoạt động SXKD cũng như trong quản trị doanh nghiệp. Đồng thời đổi mới phương thức quản trị trong doanh nghiệp phải thực hiện triệt để duy trì và phát huy đối đa nguồn nhân lực, phát huy thế mạnh vốn có trong ngành nghề kinh doanh của đơn vị, từng bước nâng cao hiệu quả SXKD đảm bảo các

yêu cầu về quản lý của Nhà nước. Hiện Công ty TNHH MTV Trục Vớt Cứu Hộ Việt Nam tiếp tục đổi mới tổ chức mô hình quản lý, cơ chế hoạt động và năng lực quản lý để nâng cao hiệu quả kinh tế và sức cạnh tranh của Công ty bảo toàn, phát triển và sử dụng có hiệu quả hơn đồng vốn, tài sản của Công ty.

Từ ngày đầu thành lập VISAL là một trong những đơn vị tiên phong trong ngành nghề đặc thù trục vớt cứu hộ với cơ sở vật chất thô sơ và công nghệ còn lạc hậu. Toàn thể CB-CNV công ty theo phương châm “Khắc phục mỗi khó khăn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, trong mỗi CB-CNV luôn tự hào, đoàn kết, nỗ lực hết sức bảo vệ và phát triển đơn vị. Cho đến nay, VISAL đã gắn liền với nhiều hoạt động góp phần trong lĩnh vực giao thông vận tải trong và ngoài nước như chính với tên, thương hiệu có được sau 38 năm phát triển và trưởng thành. Đó chính là tài sản đáng trân trọng luôn đồng hành cùng đơn vị sau bao thăng trầm của lịch sử.

Ngày nay Công ty TNHH MTV Trục Vớt Cứu Hộ Việt Nam là một doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hạch toán độc lập, hoạt động với nhiều ngành nghề kinh doanh đa dạng mang tính đặc thù với nhiệm vụ SXKD chính là trục vớt cứu hộ, nên có những khó khăn nhất định trong việc tìm kiếm việc làm, chi phí tăng cao do lạm phát trong khi chi phí duy tu bảo dưỡng các phương tiện thủy cao làm ảnh hưởng đến lợi nhuận. Để khắc phục khó khăn đó, nên từ nhiều năm qua Công ty lấy hoạt động sản xuất, sửa chữa công nghiệp, Kỹ thuật ngầm, Dịch vụ hàng hải và dịch vụ khác để hỗ trợ, duy trì ngành nghề kinh doanh chính.

3. Các danh hiệu được tặng thưởng

Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2011	Tập thể lao động xuất sắc	Quyết định số 470/QĐ-BGTVT ngày 07/03/2012;
	Huân chương độc lập Hạng ba	Quyết định số 2086/QĐ-CTN ngày 15/11/2011;

2012	Tập thể lao động xuất sắc	Quyết định số 640/QĐ-BGTVT ngày 13/03/2013;
	Huân chương lao động hạng III cho Công đoàn Công ty	Quyết định số 1156/QĐ-TTG ngày 08/10/2012;
2013	Tập thể lao động xuất sắc	Quyết định số 413/QĐ-BGTVT ngày 13/02/2014;

 **Hình thức khen thưởng:**

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2011	Bằng khen của Thành đoàn TP Hồ Chí Minh;	Quyết định số 75/QĐKT-TĐ ngày 03/02/2012;
2012	Bằng khen của Bộ Trưởng BGTVT 02 năm liền (2011- 2012);	Quyết định số 605/QĐ-BGTVT ngày 13/03/2013;
	Bằng khen của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam	Quyết định số 68/QĐKT-LĐLĐ ngày 18/01/2013;
	Bằng khen của Công đoàn ngành Giao thông vận tải Nam	Quyết định số 40/QĐ-CDN ngày 05/03/2013;
	Bằng khen của Tỉnh Đoàn Bà Rịa Vũng Tàu;	Quyết định số 10/QĐKT ngày 23/04/2013;
2013	Bằng khen của TW Đoàn;	Quyết định số 771-QĐ/TWĐTN ngày 30/12/2013;

 **Truyền thống và quá trình khen thưởng của đơn vị :**

- Được tặng thưởng 01 Huân chương Độc lập Hạng III cho tập thể CB-CNV Công ty TNHH MTV Trục Vớt Cứu Hộ Việt Nam.
- Được tặng thưởng 01 Huân chương Lao động Hạng I cho tập thể CB-CNV Công ty Trục Vớt Cứu Hộ Việt Nam.
- Được tặng thưởng 02 Huân chương Lao động Hạng II cho công trường vớt thiếc và XNLH.TVCH.
- Được tặng thưởng 06 Huân chương Lao động Hạng III cho tập thể XNLH.TVCH và các cá nhân.
- Được tặng thưởng 01 Huân chương Chiến công Hạng II cho Tàu Đại Lãnh trong đợt phục vụ Trường Sa.
- Được tặng thưởng 02 Huân chương Chiến công Hạng III cho 02 sĩ quan Tàu Đại Lãnh trong đợt phục vụ Trường Sa.
- Được tặng thưởng 07 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho các công trình trọng điểm và các đơn vị thành viên.
- Nhiều năm liền được Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Công đoàn Bộ Giao thông Vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam, Liên đoàn lao động Tp. Hồ Chí Minh tặng Bằng khen, giấy khen, Cờ thi đua xuất sắc cho tập thể, cá nhân.

4. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300430099 ngày 08/03/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 15/04/2014, ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

Lĩnh vực hàng hải:

- Kinh doanh trục vớt tàu, hàng hóa, tìm kiếm cứu nạn trên biển;
- Lai dắt tàu và vận tải hàng hóa, hành khách;
- Đại lý và dịch vụ cho các tàu của Tổng công ty;
- Lai dắt, hỗ trợ tàu biển và các phương tiện nội tại các vùng nước cảng biển và đường dài;
- Cứu nạn và cứu hộ trên biển;

- Thực hiện các dịch vụ phòng, chống ô nhiễm môi trường biển nhằm đảm bảo an toàn cho các khu vực hàng hải và các vùng nước cảng biển;
 - Dịch vụ hàng hải, cung ứng nhiên liệu (xăng, dầu, mỡ nhờn) cho các tàu nước ngoài đến Việt Nam;
 - Xây dựng công trình giao thông thủy (kè ộp bờ và nạo vét, hút thổi luồng lạch, bến tàu, bến cảng);
- ✚ Lĩnh vực kỹ thuật ngầm:**
- Kỹ thuật ngầm dưới nước (khảo sát, quay phim, chụp ảnh, thi công công trình dưới nước);
 - Dịch vụ du lịch lặn trong và ngoài nước;
 - Phá đá ngầm và cắt phá xác tàu chìm dưới nước;
- ✚ Lĩnh vực sửa chữa, sản xuất, xây dựng:**
- Sửa chữa phương tiện, thiết bị giao thông vận tải;
 - Sản xuất sản phẩm công nghiệp khác;
 - Xây dựng công trình giao thông và sản xuất vật liệu xây dựng phục vụ thi công các công trình của Tổng công ty;
 - Xây dựng công trình công nghiệp trong ngành giao thông vận tải;
 - Đào, đắp đất đá, san lấp mặt bằng tạo bãi;
 - Gia công, chế sửa lắp ráp các loại kết cấu thép, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
 - Đóng mới phương tiện thủy;
 - Gia công dây cao su chằng buộc hàng hóa;
- ✚ Lĩnh vực kinh doanh thương mại:**
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, phương tiện, thiết bị, hàng hóa phục vụ giao thông vận tải;
 - Đại lý kinh doanh mặt hàng nhiên liệu (xăng, dầu, mỡ nhờn);
 - Thu gom, giao nhận hàng hóa và kinh doanh bãi container;
 - Kinh doanh thương mại và các ngành hàng: thiết bị lặn dưới nước; thiết bị điện, điện tử; vật liệu xây dựng, sắt thép; hàng may mặc; thiết bị, vật tư, máy móc cho ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành xây dựng;
 - Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, cho thuê văn phòng, nhà xưởng;

- Kinh doanh chiết nạp, phân phối và dịch vụ kỹ thuật khí hóa lỏng.

5. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

- Kinh doanh trục vớt tàu, hàng hóa, tìm kiếm cứu nạn trên biển. Lai dắt, hỗ trợ tàu biển và các phương tiện nổi tại các vùng nước cảng biển và đường dài. Dịch vụ hàng hải và kỹ thuật ngầm dưới nước. Đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy.

6. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

Tại thời điểm ngày 27/10/2014, Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 4067/QĐ-BGTVT ngày 27/10/2014 về việc điều chỉnh giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Trục vớt Cứu hộ Việt Nam theo Quyết định số 3875/QĐ-BGTVT ngày 13/10/2014 về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Trục vớt Cứu hộ Việt Nam, tổng số cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty là 363 người, trong đó 351 lao động sẽ tiếp tục chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần. Cơ cấu như sau:

Cơ cấu lao động của Công ty tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Phân theo trình độ lao động	351	100%
- Trên đại học	1	0,28%
- Trình độ đại học	76	21,65%
- Trình độ khác	274	78,06%
Phân theo loại hợp đồng lao động	351	100%
- Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	4	1,14%
- Hợp đồng không thời hạn	302	86,04%
- Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	27	7,69%

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
- Hợp đồng thời vụ	18	5,13%
Phân theo giới tính	351	100%
- Nam	317	90,31%
- Nữ	34	9,69%

Nguồn: Công ty TNHH MTV Trục vớt cứu hộ Việt Nam

7. Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp

- - 27/10/2014 của Bộ giao thông Vận tải về điều chỉnh giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Trục vớt Cứu hộ Việt Nam, Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp, giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/03/2014 là 160.135.580.585 đồng trong đó: Giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp là 82.874.868.074 đồng.
- Bảng tổng hợp xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/03/2014:

Đơn vị tính: đồng

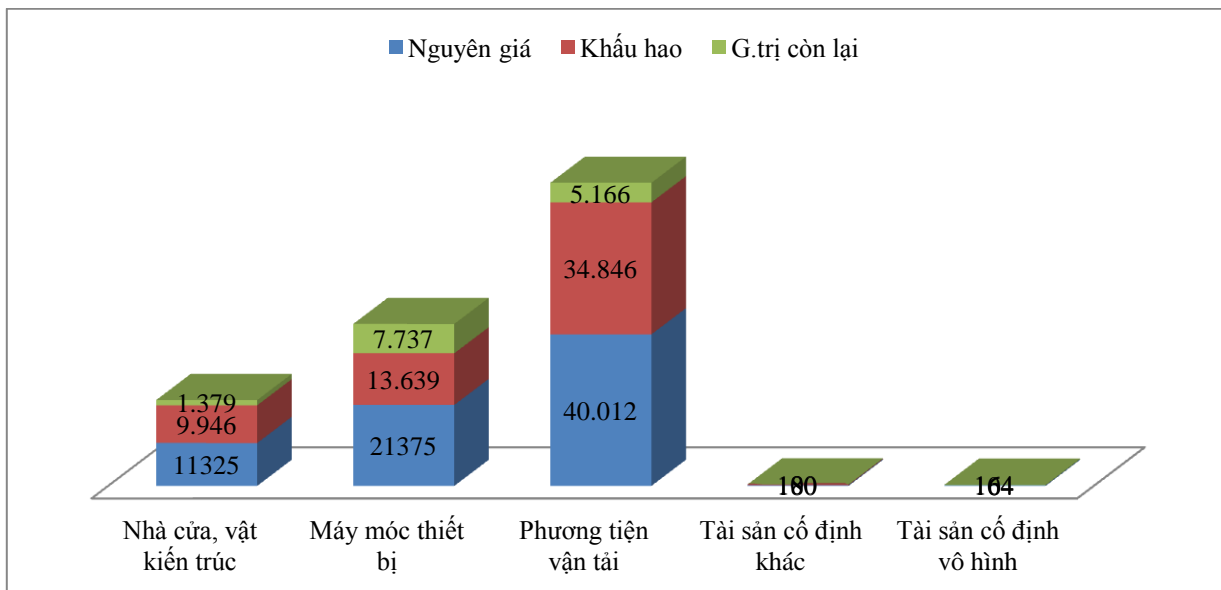
Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4 = 3 - 2
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	111,939,444,641	160,135,580,585	48,196,135,944
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	38,143,377,181	80,079,618,194	41,936,241,013
1. Tài sản cố định	14,444,613,473	56,155,846,551	41,711,233,078
a. TSCĐ hữu hình	14,280,953,572	56,155,846,551	41,874,892,979
b. TSCĐ vô hình	163,659,901	-	(163,659,901)
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1,050,000,000	1,050,000,000	-
3. Chi phí XDCB dở dang	13,358,222,821	13,358,222,821	-
2. Phải thu dài hạn (gồm cả KC, KQ)	6,000,000	6,000,000	-
3. Chi phí trả trước dài hạn	9,284,540,887	9,509,548,822	225,007,935
- Chi phí trả trước dài hạn	9,284,540,887	9,448,200,788	163,659,901
- CCDC đã phân bổ hết chi phí	-	61,348,034	61,348,034
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	73,796,067,460	80,055,962,391	6,259,894,931
1. Tiền:	16,173,651,275	16,173,653,939	2,664
+ Tiền mặt tồn quỹ	524,515,336	524,518,000	2,664
+ Tiền gửi ngân hàng	15,649,135,939	15,649,135,939	-
2. Các khoản phải thu	21,513,506,010	26,848,766,088	5,335,260,078
3. Vật tư hàng hoá tồn kho	31,538,672,637	32,463,304,826	924,632,189
4. Tài sản lưu động khác	4,570,237,538	4,570,237,538	-
B. Tài sản không cần dùng	-	-	-
C. Tài sản chờ thanh lý	215,295,818	215,295,818	-
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	215,295,818	215,295,818	-
1. Tài sản cố định	215,295,818	215,295,818	-
D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng	-	-	-
E. Tài sản chờ bàn giao	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D+E)	112,154,740,459	160,350,876,403	48,196,135,944
Trong đó:			
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	111,939,444,641	160,135,580,585	48,196,135,944
E1. Nợ thực tế phải trả	78,594,691,468	77,260,712,511	(1,333,978,957)
Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng phải nộp NSNN	-	-	-
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
E3. Chênh lệch tỉ giá giai đoạn đầu tư xdcb	-	-	-
E4. Chênh lệch thu chi Ban quản lý dự án	-	-	-
E5. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A-(E1+E2)]	33,344,753,173	82,874,868,074	49,530,114,901

8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

- Tình hình tài sản cố định của Công ty TNHH MTV Trục vót Cứu hộ Việt Nam theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/03/2014) thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Loại tài sản	Giá trị sổ kế toán		
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	2	3	4	5
A.	TSCĐ đang sử dụng	73,055,426,706	58,610,813,233	14,444,613,473
1.	TSCĐ hữu hình	72,891,766,805	58,610,813,233	14,280,953,572
1.1	Nhà cửa, vật kiến trúc	11,324,689,500	9,946,124,172	1,378,565,328
1.2	Máy móc thiết bị	21,375,445,146	13,638,621,394	7,736,823,752
1.3	Phương tiện vận tải	40,011,889,552	34,846,325,060	5,165,564,492
1.4	Tài sản cố định khác	179,742,607	179,742,607	-
2.	TSCĐ vô hình	163,659,901	-	163,659,901
2.1	Khác	163,659,901	-	163,659,901
B.	TSCĐ không cần dùng	-	-	-
C.	TSCĐ chờ thanh lý	2,831,256,231	2,615,960,413	215,295,818
1.	TSCĐ hữu hình	2,831,256,231	2,615,960,413	215,295,818
1.1	Nhà cửa, vật kiến trúc	138,724,677	138,724,677	-
1.1	Máy móc thiết bị	2,458,700,969	2,243,405,151	215,295,818
1.2	Phương tiện vận tải	233,830,585	233,830,585	-



- Nhà cửa, vật kiến trúc:** Chủ yếu là Văn phòng làm việc và nhà xưởng.
- Máy móc thiết bị:** Chủ yếu là các máy móc phục vụ cho hoạt động tìm kiếm, khai thác, trục vớt, cứu hộ.

- **Phương tiện vận tải:** Chủ yếu là xe ô tô và tàu kéo các loại phục vụ tại Văn phòng Công ty và các Chi nhánh, Xí nghiệp.
- **Thiết bị quản lý:** Máy lạnh, máy photocopy.
- **Thực trạng về đất đai đang sử dụng:** Công ty đang quản lý và sử dụng 08 lô đất, cụ thể:
 - Lô đất tại Văn phòng Công ty số 360 đường Hai Bà Trưng, Quận I, Tp. Hồ Chí Minh. Thuộc thửa đất số 96; tờ Bản đồ số 55, bộ địa chính phường Tân Định. Diện tích 420,6 m². Hình thức: Thuê đất trả tiền hàng năm. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 23875 ngày 20/8/2013; Hợp đồng thuê đất số 5321/HĐ-TNMT-QLSDD ngày 16/8/2013. Công ty đã có Công văn số 698/PASDD-CTTVCHVN ngày 27/6/2014 v/v đề nghị UBND Tp. Hồ Chí Minh phê duyệt "Phương án Sử dụng đất khi cổ phần hóa". Đến nay chưa có phê duyệt;
 - Lô đất tại Xí nghiệp Cơ khí Công trình khu phố 7, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh. Nay là số 39 đường số 2, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức. Diện tích: 26.300 m². Hình thức: Thuê đất trả tiền hàng năm; Quyết định số 4608/QĐ-UB ngày 06/11/2002 của UBND tp. v/v: cho Xí nghiệp Cơ khí Công trình thuê đất theo Chỉ thị 245/TTg ngày 22/4/1996 của Thủ tướng Chính phủ; Hợp đồng thuê đất số 602/HĐTĐ-GTĐ ngày 16/1/2003. Công ty đã có Công văn số 698/PASDD-CTTVCHVN ngày 27/6/2014 v/v đề nghị UBND tp. Hồ Chí Minh phê duyệt "Phương án Sử dụng đất khi cổ phần hóa". Đến nay chưa có phê duyệt.
 - Lô đất tại Khu nhà văn phòng, kho: tại 3/8 Lương Định Của, P. An Phú, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh. Diện tích: 804,2 m². Hình thức: Thuê đất trả tiền hàng năm; Quyết định số 1711/QĐ-UB ngày 17/10/1979 của UBND Tp v/v Mua lại tài sản Công ty Kysaco tại 3/8 An Phú, huyện Thủ Đức (nay là 3/8 Lương Định Của, P. An Phú, Q 2). Quyết định số 249/QĐ-UB ngày 01/07/1980 của UBND Tp v/v Điều chỉnh quyết định Quyết định số 1711/QĐ-UB ngày 17/10/1979 giao cho Công ty Trục vớt mua lại tài sản Công ty Kysaco. Quyết định số 3608/BGTVT-TC ngày 31/08/2010 Bộ Giao thông vận tải v/v Bố trí một phần diện tích nhà đất

tại 3/8 Lương Định Của, Quận 2 Tp. HCM cho Công ty TNHH một thành viên Trục vớt Cứu hộ VN). Công ty đã có Công văn số 698/PASDD-CTTVCHVN ngày 27/6/2014 v/v đề nghị UBND Tp. Hồ Chí Minh phê duyệt “Phương án Sử dụng đất khi cô phần hóa”. Đến nay chưa có phê duyệt

- Lô đất tại Chi nhánh I - Công ty TNHH Một thành viên Trục vớt Cứu hộ Việt Nam và Xí nghiệp Sửa chữa Tàu biển tại số 24 Tuệ Tĩnh, Phường Rạch Dừa (trước là Phường 10), thành phố Vũng Tàu. Diện tích 67.914 m². Hình thức: Thuê đất trả tiền hàng năm; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: T00789 QSDĐ/7881 QĐUB ngày 19/10/2004. Hợp đồng thuê đất số: 01 HĐ/CSTĐ ngày 16/6/2004; Phụ lục Hợp đồng thuê đất số: 01 PLHĐ/TĐ ngày 13/8/2012. Công ty đã có Công văn số 699/PASDD-CTTVCHVN ngày 27/6/2014 v/v đề nghị UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt “Phương án Sử dụng đất khi cô phần hóa”. Đến nay chưa có phê duyệt. Trong tổng diện tích đất nêu trên có diện tích đất đã bố trí cho 4 hộ CBCNV đang ở (trước khi cấp giấy chứng nhận QSDĐ và Hợp đồng thuê đất) với diện tích là 424,07 m², diện tích còn lại để chuyển sang Công ty cổ phần là 67.489.93 m². Công ty có trách nhiệm tiếp tục làm việc với thành phố Vũng Tàu để hoàn thành thủ tục trả lại đất cho nhà nước theo quy định.
- Lô đất tại Nhà nghỉ và Văn phòng số 192 Trần Phú, phường 5, thành phố Vũng Tàu. Diện tích 699,3 m². Hình thức: Thuê đất trả tiền hàng năm; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: T05253 ngày 12/7/2007; Hợp đồng thuê đất số: 20 HĐ-CSTĐ ngày 25/12/2007. Công ty đã có Công văn số 699/PASDD-CTTVCHVN ngày 27/6/2014 v/v đề nghị UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt “Phương án Sử dụng đất khi cô phần hóa”. Đến nay chưa có phê duyệt.
- Lô đất tại Khu nhà công vụ, tập thể, hộ gia đình cán bộ công nhân viên Công ty TNHH Một thành viên Trục vớt cứu hộ Việt Nam. Diện tích 3.068 m². Hình thức: Thuê đất; Quyết định số: 158/QĐ/UB ngày 27 tháng 2 năm 1981 của ủy ban Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo. V/v cấp đất xây dựng ụ tàu và cơ sở hậu cần của Công ty Trục vớt Bộ Giao thông Vận tải; Giấy chứng nhận quyền SDD: Chưa có; Hợp đồng thuê đất: Chưa có. Công ty đã có Công văn số 699/PASDD-

CTTVCHVN ngày 27/6/2014 v/v đề nghị UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt “Phương án Sử dụng đất khi cổ phần hóa”. Đến nay chưa có phê duyệt. Hiện trạng khu đất như sau: Công ty sử dụng và quản lý 565 m² đất để làm nhà công vụ, nhà ở tập thể và nhà ăn cho CBCNV, diện tích còn lại là 2.503 m² Công ty đã giao cho CBCNV đang ở. Diện tích đất chuyển sang Công ty cổ phần là 565 m², diện tích đất Công ty trả lại thành phố Vũng Tàu để giao cho CBCNV là 2.503 m². Công ty có trách nhiệm tiếp tục làm việc với thành phố Vũng Tàu để hoàn thành thủ tục trả lại đất cho Nhà nước theo quy định.

- Lô đất tại Chi nhánh II - Công ty TNHH một thành viên Trục vớt cứu hộ Việt Nam tại số 213 Trần Hưng Đạo, phường Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn. Diện tích 205 m². Hình thức: Thuê đất trả tiền hàng năm; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 00357 ngày 16/9/2003; Hợp đồng thuê đất số 164-2000/HĐ-TĐ ngày 24/10/ 2000. Công ty đã có Công văn số 697/PASĐĐ-CTTVCHVN ngày 27/6/2014 v/v đề nghị UBND tỉnh Bình Định phê duyệt “Phương án Sử dụng đất khi cổ phần hóa”. Đến nay đã có phê duyệt phương án sử dụng đất.
- Lô đất tại Chi nhánh III - Công ty TNHH Một thành viên Trục vớt cứu hộ Việt Nam, số 30/343 đường Đà Nẵng, phường Đông Hải I, Quận Hải An, Tp. Hải Phòng. Diện tích 1.431 m². Hình thức: Thuê đất trả tiền hàng năm. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 00644 ngày 27/10/2008; Hợp đồng thuê đất số 105/HĐ-TĐ ngày 27/10/2008. Công ty đã có Công văn số 696/PASĐĐ-CTTVCHVN ngày 27/6/2014 v/v đề nghị UBND Tp. Hải Phòng phê duyệt “Phương án Sử dụng đất khi cổ phần hóa”. Đến nay đã có phê duyệt.

Tổng cộng diện tích đất chuyển sang Công ty cổ phần là 97.915,03 m². Công ty chọn hình thức thuê đất, trả tiền thuê hàng năm nên không tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp.

Tổng diện tích đất Công ty trả lại UBND các địa phương là 2.927,07 m². Công ty có trách nhiệm tiếp tục làm việc với UBND các địa phương để hoàn thành thủ tục trả lại đất cho nhà nước theo quy định và Công ty có trách nhiệm làm việc

với các cơ quan có liên quan để kiểm tra hiện trạng nhà, đất theo Quyết định 09 đối với hai lô đất có thay đổi diện tích đất Công ty đang quản lý và sử dụng.

9. Danh sách những Công ty mẹ - Công ty con và công ty đầu tư tài chính

❖ **Công ty mẹ:** Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam

❖ **Công ty con:** không có

❖ **Các đơn vị trực thuộc**

Công ty hiện có các đơn vị trực thuộc hoạt động theo uỷ quyền của Công ty TNHH MTV Trục vớt Cứu hộ Việt Nam tương ứng với các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty sau:

- 03 chi nhánh tại Vũng Tàu, Quy Nhơn, Tp. Hải Phòng
- Xí nghiệp sửa chữa tàu biển - Thành phố Vũng Tàu
- Xí nghiệp Cơ khí công trình - Thành phố Hồ Chí Minh

❖ **Đầu tư tài chính**

- Công ty đang thực hiện đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng với số tiền là 1.050.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 3% trên vốn điều lệ.

10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

10.1 Tình hình hoạt động kinh doanh

a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ qua các năm

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		6T/2014	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu	123,333	100.00%	200,133	100.00%	51,397	100.00%
Nhóm dịch vụ hàng hải và kỹ thuật ngầm	90,033	73.00%	154,102	77.00%	28,269	55.00%
Nhóm sửa chữa sản xuất công nghiệp	33,300	27.00%	46,030	23.00%	23,129	45.00%
Lợi nhuận gộp	50,119	100.00%	31,182	100.00%	5,967	100.00%
Nhóm dịch vụ hàng	46,109	92.00%	29,623	95.00%	597	10.00%

Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		6T/2014	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
hải và kỹ thuật ngầm						
Nhóm sửa chữa sản xuất công nghiệp	4,009	8.00%	1,559	5.00%	5,370	90.00%

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Trục Vót Cứu hộ Việt Nam và BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và quý2/2014)

giúp Công ty : Doanh số ngày càng gia tăng, . Năm 2012, 2013 doanh thu và lợi nhuận của Công ty chủ yếu đến từ nhóm dịch vụ hàng hải và kỹ thuật ngầm với doanh thu chiếm tỷ trọng trên 70% và lợi nhuận trên 90%.

- **Đối với lĩnh vực hàng hải:** Nhiệm vụ kinh doanh chính của Công ty là trục vớt tàu, hàng hóa, tìm kiếm cứu nạn trên biển; Lai dắt tàu và vận tải hàng hóa, hành khách; Đại lý và dịch vụ cho các tàu của Công ty TNHH MTV Trục vớt Cứu hộ Việt Nam; Lai dắt, hỗ trợ tàu biển và các phương tiện nổi tại các vùng nước cảng biển và đường dài; Cứu nạn và cứu hộ trên biển; Thực hiện các dịch vụ phòng chống ô nhiễm môi trường biển nhằm bảo đảm an toàn cho các khu vực hàng hải và các vùng cảng biển; Dịch vụ hàng hải; Cung ứng nhiên liệu (Xăng, dầu, mỡ nhờn) cho các tàu nước ngoài đến Việt Nam; Xây dựng công trình giao thông thủy (kè ốp bờ và nạo vét, hút thổi luồng lạch, bến tàu, bến cảng).
- **Đối với lĩnh vực kỹ thuật ngầm:** Công ty thực hiện các dịch vụ kỹ thuật ngầm dưới nước; Dịch vụ du lịch lặn trong và ngoài nước; Phá đá ngầm và cắt phá xác tàu chìm dưới nước; Lặn khảo sát và trục vớt cổ vật.
- **Đối với lĩnh vực sửa chữa, sản xuất, xây dựng:** Visal thực hiện sửa chữa phương tiện thiết bị giao thông vận tải, Sản xuất sản phẩm công nghiệp khác. Xây dựng công trình giao thông và sản xuất vật liệu xây dựng phục vụ thi công của Công ty. Xây dựng công trình công nghiệp trong ngành giao thông vận tải.

Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng tạo bãi. Gia công chế sửa lắp ráp các loại kết cấu thép, cấu kiện bê tông đúc sẵn. Đóng mới phương tiện vận tải thủy, sông biển và kinh doanh vật liệu xây dựng. Gia công dây cao su chằng buộc hàng hóa.

- **Đối với lĩnh vực kinh doanh thương mại:** Thực hiện xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, phương tiện thiết bị, hàng hóa phục vụ giao thông vận tải. Đại lý kinh doanh mặt hàng nhiên liệu (xăng, dầu, dầu mỡ nhờn). Thu gom, giao nhận hàng hóa và kinh doanh kho bãi container. Kinh doanh thương mại các ngành hàng : thiết bị lặn dưới nước, thiết bị điện điện, điện tử, vật liệu xây dựng, sắt thép và hàng may mặc, thiết bị vật tư máy móc cho ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành xây dựng. Kinh doanh khách sạn, cho thuê văn phòng, nhà xưởng. Kinh doanh, chiết nạp, phân phối và dịch vụ kỹ thuật khí hóa lỏng.

b. Nguồn cung

- Nguồn nguyên vật liệu: Nguyên vật liệu trong hoạt động của Công ty chủ yếu là các trang thiết bị hàng hải như Rada, GPS, La bàn, máy AIS, đo sâu, đo gió, Immarsat, phao cứu sinh, cứu hoả, hải đồ; xích, neo, dây cáp, dây nylon buộc tàu, thép tấm, thép hình, , oxy, axetylen, phụ tùng động cơ máy tàu thủy....

•

, có khả năng cung ứng nhanh ngay trong vòng 24 tiếng khi có đơn đặt hàng với chất lượng và dịch vụ hậu cần ổn định, tốt. Tiêu biểu những đối tác đã có mối quan hệ hợp tác lâu năm và uy tín với đơn vị trong nhiều năm qua như Công ty Thương mại – Dịch vụ- Kỹ thuật PHAN TA chuyên cung cấp toàn bộ trang thiết bị hàng hải; Công ty TNHH Cơ khí hàng hải SRC; Công ty TNHH thương mại – Dịch vụ - Kỹ thuật MARITECH; Công ty TNHH Sơn JOTUN Việt Nam, Công ty STD&T, Công ty Tân Đức Lợi, Tổng Công ty Ba Son, Công ty TNHH Phú Hải, Công ty TNHH thép tấm Cường Duy, Công ty thép Đại Toàn Thắng, Công ty cổ phần que hàn Việt Đức...

- Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu/lợi nhuận của Công ty: Sự biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ làm cho kinh phí của doanh nghiệp tăng theo, ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

c. Chi phí hoạt động kinh doanh

Tỷ trọng các khoản mục chi phí của Công ty so với tổng doanh thu qua các năm 2012-2013 và 6/2014 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		6T/2014	
		Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT
I.	Tổng Doanh thu	124,846	100.0%	201,873	100.0%	52,427	100.0%
II.	Tổng chi phí	122,011	97.7%	197,272	97.7%	57,180	109.1%
1	Giá vốn hàng bán	92,151	73.8%	150,014	74.3%	45,430	86.7%
2	Chi phí bán hàng	-	0.0%	-	0.0%	-	0.0%
3	Chi phí quản lý Doanh nghiệp	25,743	20.6%	45,156	22.4%	10,009	19.1%
4	Chi phí tài chính	4,016	3.2%	1,940	1.0%	159	0.3%
5	Chi phí khác	102	0.1%	162	0.1%	1,582	3.0%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013, quý 2/2014)

Trong 3 năm trước cổ phần hóa chi phí hoạt động khá cao, tổng chi phí chiếm trên 97% doanh thu, trong đó chủ yếu là giá vốn chiếm trên dưới 74% doanh thu và chi phí quản lý chiếm trên 20% doanh thu.

6 tháng đầu năm 2014, doanh thu mang lại chỉ đạt 26% so với năm 2013 mà chủ yếu là từ nhóm sửa chữa sản xuất công nghiệp với chi phí giá vốn cao trên 86% doanh thu, trong khi đó chi phí quản lý vẫn phải duy trì dẫn đến kết quả kinh doanh 6 tháng lỗ 4,7 tỷ đồng.

d. Trình độ công nghệ

Công ty sở hữu đội tàu cung ứng dịch vụ hàng hải được đóng tại các nước Âu Mỹ, có công suất đến 7.100 HP chuyên phục vụ công tác trục vớt cứu hộ, lai dất trên biển, dịch vụ ngoài khơi, đội tàu kéo và tàu công trình ven biển có công suất từ 500HP đến

850 HP phục vụ lai dắt trên biển, trong sông rạch và phục vụ các công trình trục vớt, Cần trục nổi Yết Kiêu P3 có sức nâng đến 230T, tầm với tối đa 15.71m, sà lan từ 800T đến 3000T. Cùng với đội ngũ thợ lặn được đào tạo chính qui, chuyên nghiệp tại các tổ chức nước ngoài, giàu kinh nghiệm, trang thiết bị lặn đặc chủng hiện đại, hệ thống thiết bị được bố trí dễ dàng huy động và triển khai công tác lặn trên phương tiện bộ cũng như phương tiện thủy. Sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng và đảm bảo an toàn cao cho công tác lặn. Tất cả các thợ lặn đều có khả năng khảo sát, giám định và thực hiện các công trình ở độ sâu đến 60m. quay phim chụp ảnh dưới nước.

Các đơn vị thành viên hoạt động trong lĩnh vực sửa chữa, đóng mới phương tiện thủy quản lý cơ sở vật chất dock chìm, cầu cảng, được trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị nâng cầu, trang thiết bị kiểm tra tại hiện trường và đội ngũ cán bộ công nhân viên, thợ cơ khí giỏi tay nghề phục vụ đóng mới ponton, tàu kéo, tàu chở dầu, sửa chữa định kỳ, giữa kỳ, đột xuất các tàu dịch vụ dầu khí, tàu chở khí hóa lỏng, tàu chở hàng khô, tàu chở dầu, tàu chở khách, tàu cao tốc tìm kiếm cứu nạn, hỗ trợ cung cấp dịch vụ sửa chữa phương tiện vận chuyển hành khách, tàu du lịch, tàu phục vụ giàn khoan và các phương tiện thi công công trình của các đơn vị trong nước và ngoài nước hoạt động tại Việt Nam.

Cục Đăng kiểm Việt Nam đã cấp giấy Chứng nhận phù hợp DOC cho Văn phòng Công ty TNHH MTV Trục vớt Cứu hộ Việt Nam và Giấy chứng nhận quản lý an toàn theo bộ luật ISM cho đội tàu dịch vụ hàng hải của Công ty từ tháng 05/2008.

Xí nghiệp Sửa chữa Tàu biển đã được Trung tâm chứng nhận phù hợp Quacert thuộc Tổng Cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 từ năm 2005.

e. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới (nếu có)

Không có

f. Hoạt động Marketing

Công ty hiện đang quảng bá hình ảnh qua sự hợp tác với các cơ quan truyền thông, báo chí, các tổ chức xã hội phạm vi trong nước và quốc tế và đồng thời cung cấp thông tin về hoạt động của mình thông qua trang thông tin điện tử <http://www.visal.com.vn>

g. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu logo của Công ty Trục vớt Cứu hộ Việt Nam số 154581 cấp theo Quyết định số 21714/QĐ-SHTT ngày 15/11/2014.

h. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Stt	Tên Hợp đồng	Giá trị hợp đồng (VNĐ)	Thời gian thực hiện
1	Cần trục Yết Kiêu P 3 và tàu Visal 8 công tác tại Campuchia – Công ty Honghao từ 09/2012 đến 12/2013	57.795.000.000	15 tháng
2	Tàu Đại Lãnh thực hiện hợp đồng ROV – XN Liên doanh Vietsovpetro từ 03/2013 đến 09/2013	20.515.580.000	198 ngày
3	Tàu Mỹ Á P/v sửa chữa giàn BK – XN Liên doanh Vietsovpetro từ tháng 04/2013 đến 09/2013	15.674.819.552	178 ngày
4	Tàu Visal Saigon phục vụ khảo sát, trục mỏ - Cty Cp Tàu DV dầu khí Hải Dương từ tháng 04/2014 đến 10/2014	17.951.058.680	133 ngày
5	Tàu Visal 2 phục vụ trục mỏ - Cty CP tàu DVĐK Hải Dương từ 08/2014 đến 11/2014	6.030.857.798	70 ngày
6	Đóng mới ponton cho DNTN Huỳnh Hiệp – 2014	2.609.905.124	04 tháng
7	Đóng mới ponton cho DNTN nội thất Đồng Tâm – 2014	1.146.924.000	2.5 tháng
8	Đóng mới tàu dịch vụ hậu cần thủy sản Lmax x Bmax x H = 53.8m x 8.9m x 4.9m – Cty TNHH DV hậu cần thủy sản Gia Hân – Từ 10/2014 đến 03/2015	12.195.657.599	05 tháng

Nguồn: Visal

10.2 Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

Tình hình tài chính của Công ty tại 31/12/2012, 2013 và ước tại 31/12/2014, như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

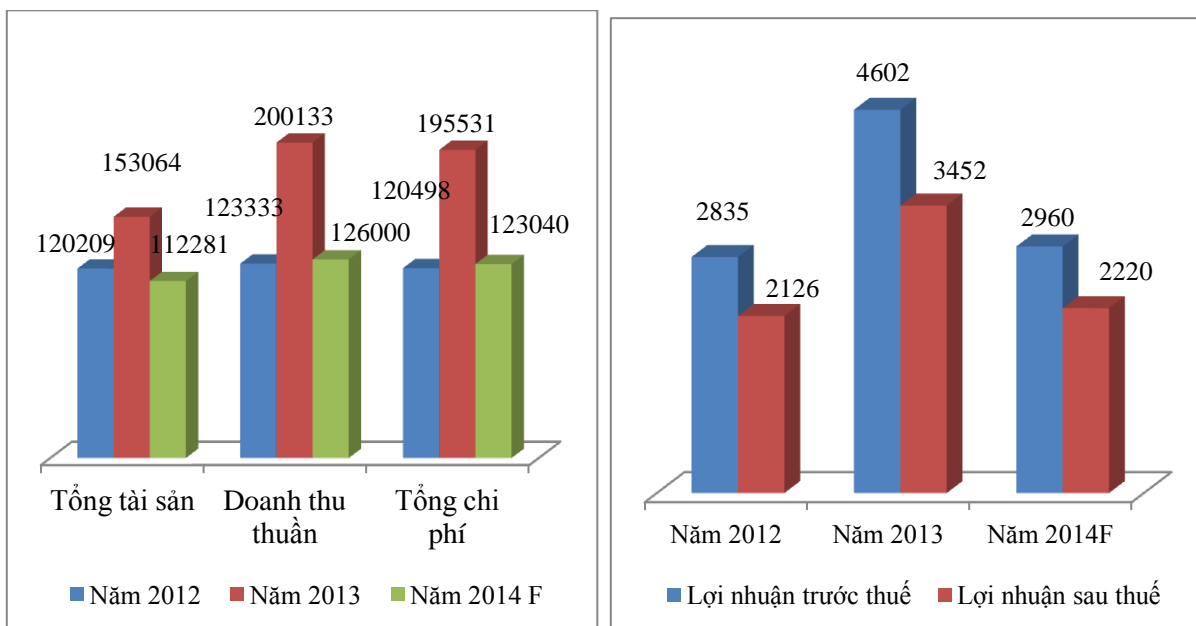
TT	Nội dung	TH	TH	Ước TH
		Năm 2012	Năm 2013	năm 2014
A-	Tổng tài sản	120.209	153.064	112.281
I	Tài sản ngắn hạn	74.372	116.499	72.498
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	6.448	20.359	11.006
2	Các khoản phải thu	46.361	61.357	31.619
3	Hàng tồn kho	19.425	31.761	25.658
4	Tài sản ngắn hạn khác	2.138	3.022	4.215
II	Tài sản dài hạn	45.837	36.565	39.783
1	Tài sản cố định	21.545	22.776	32.674
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.050	1.050	1.050
3	Tài sản dài hạn khác	23.242	12.739	6.059
B-	Tổng nguồn vốn	120.209	153.064	112.281
I	Nợ phải trả	76.755	110.911	74.473
1	Nợ ngắn hạn	70.088	108.244	73.806
2	Nợ dài hạn	6.667	2.667	667
II	Nguồn vốn chủ sở hữu	43.454	42.153	37.808
1	Vốn của chủ sở hữu	43.454	42.153	37.808
	Trong đó: Vốn đầu tư của CSH	29.136	29.748	29.748

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012, 2013 và ước thực hiện năm 2014 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	TH	TH	Ước TH
		Năm 2012	Năm 2013	năm 2014
1	Tổng giá trị tài sản	120,209	153,064	112,281
2	Vốn Nhà nước theo sổ kế toán	43,454	42,153	37,808
3	Doanh thu	123,333	200,133	126,000
4	Chi phí	120,498	195,531	123,040
5	Lợi nhuận trước thuế	2,835	4,602	2,960
6	Thuế TNDN	709	1,150	740
7	Lợi nhuận sau thuế	2,126	3,452	2,220
8	Tỷ suất LNST/vốn NN (%)	5	8	6
9	Nộp ngân sách NN	709	1,150	740
10	Tổng số lao động(Người)	443	415	363
11	Thu nhập BQ NLĐ (Tr/Ng/Th)	6.6	10.5	8.35

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa)



10.3 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

a. Thuận lợi

- Đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý Công ty có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty. VISAL luôn nhận được sự tin nhiệm của khách hàng và ngày càng khẳng định vai trò, vị trí, tầm ảnh hưởng của mình trong lĩnh vực trực vớt cứu hộ, cũng như cung cấp các dịch vụ cho ngành thăm dò dầu và khai thác dầu khí.
- CBCNV trong Công ty đều đoàn kết cùng nhau phấn đấu xây dựng đơn vị ngày càng ổn định và phát triển.
- Việt Nam ngày càng mở rộng quan hệ ngoại thương với các nước trên thế giới, mở ra cơ hội mở rộng thị trường sang các nước.
- VISAL luôn nhận sự quan tâm của Chính phủ, các cơ quan ban ngành và Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng Hải đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

b. Khó khăn

- Do đặt thù riêng và cùng sự cạnh tranh gay gắt với nhiều công ty cùng ngành nghề trên thị trường nên lĩnh vực trực vớt cứu hộ, kỹ thuật ngầm việc làm không ổn định.

11. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

11.1 Vị thế của Công ty trong ngành

VISAL hiện là doanh nghiệp có quy mô thuộc loại doanh nghiệp vừa và nhỏ.

11.2 Triển vọng phát triển ngành

Sau hơn 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới, tiềm lực kinh tế biển không ngừng lớn mạnh. Vì vậy, trong nghị quyết IX, về “Chiến lược biển Việt Nam” được thông qua tại hội nghị lần thứ 4-BCH trung ương Đảng khóa X nêu rõ: Đến năm 2020, kinh tế biển sẽ đóng góp 53-55% GDP, và 55-60% kim ngạch xuất khẩu cả nước. Trong thực tế, kinh tế biển và vùng ven biển đã đóng góp 48-49% tổng GDP. Điều này càng khẳng định: Tầm quan trọng của kinh tế biển đối với tiến trình phát triển đất nước, nhất là trong bối cảnh: Thế kỷ XXI được thế giới coi là “Thế kỷ của đại dương”. Để thực hiện thành công các mục tiêu trong chiến lược biển Việt Nam, đồng thời phục vụ đắc lực cho kinh tế biển, ngành Bảo đảm an toàn hàng hải ngày càng khẳng định tầm quan trọng và vị trí then chốt trong việc thiết lập và duy trì môi trường an toàn hàng hải, tạo điều kiện cho phát triển thương mại, kinh tế biển và mục tiêu nhân đạo, kết hợp bảo vệ an ninh quốc phòng, tìm kiếm cứu nạn, phối hợp bảo vệ môi trường biển, góp phần khẳng định chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên biển, đảo. (Theo <http://www.vms-south.vn>)

11.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

Việt nam là đất nước có đường bờ biển dài khoảng 3.260 km do đó việc phát triển kinh tế biển là một trong những định hướng quan trọng mà Đảng và Chính phủ Việt Nam đã đề ra. Do vậy, Định hướng phát triển của Công ty gắn liền với chủ trương của Đảng và Nhà Nước trong công tác Bảo đảm an toàn hàng hải, thi công xây mới, sửa chữa các công trình phục vụ công tác Bảo đảm an toàn hàng hải cũng như các công trình phục vụ ngành hàng hải có một vai trò quan trọng để góp phần tích cực trong việc phát triển kinh tế biển.

12. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa

12.1 Một số thông tin chủ yếu về kế hoạch đầu tư và chiến lược phát triển doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa

❖ Chiến lược phát triển

Xây dựng Công ty cổ phần phát triển vững mạnh và chuyên nghiệp trong các lĩnh vực then chốt :

- Đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ chất lượng cao về chiều rộng và chiều sâu; phù hợp với yêu cầu đặc thù của từng khách hàng và yêu cầu phát triển của Công ty thông qua việc đẩy mạnh công tác tuyển dụng đúng người đúng việc, huấn luyện đào tạo chuyên sâu, đầu tư trang thiết bị hiện đại và không ngừng hoàn thiện hệ thống các quy trình, hướng dẫn công việc theo tiêu chuẩn chất lượng và an toàn.
- Liên kết khai thác và không ngừng trao đổi, học tập kinh nghiệm và hoàn thiện các nguồn lực của doanh nghiệp, đảm bảo sản xuất kinh doanh phát triển bền vững; từng bước xây dựng môi trường làm việc và văn hóa doanh nghiệp tốt đẹp và nhân văn; tập trung chăm lo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động; luôn tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động có cơ hội lao động, học tập, cống hiến và phát triển.
- Xây dựng doanh nghiệp vững mạnh và uy tín trong kinh doanh; kinh doanh hiệu quả, an toàn; hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao, đóng góp tích cực vì sự phát triển chung xã hội và đất nước.

❖ **Mục tiêu phát triển**

Xây dựng Công ty phát triển bền vững, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, có khả năng cạnh tranh trên thị trường, đảm bảo đời sống cho người lao động, đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước.

❖ **Các chỉ tiêu chính**

- Tăng trưởng chung hàng năm $\geq 15\%$ so với năm trước.
- Thu nhập bình quân của người lao động hàng năm tăng.
- Trả cổ tức cho các cổ đông từ 5% đến 7% trở lên.
- Đầu tư, mua sắm thiết bị đổi mới công nghệ đảm bảo yêu cầu sản xuất kinh doanh.
- Đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng 100% yêu cầu về kỹ thuật và công nghệ.

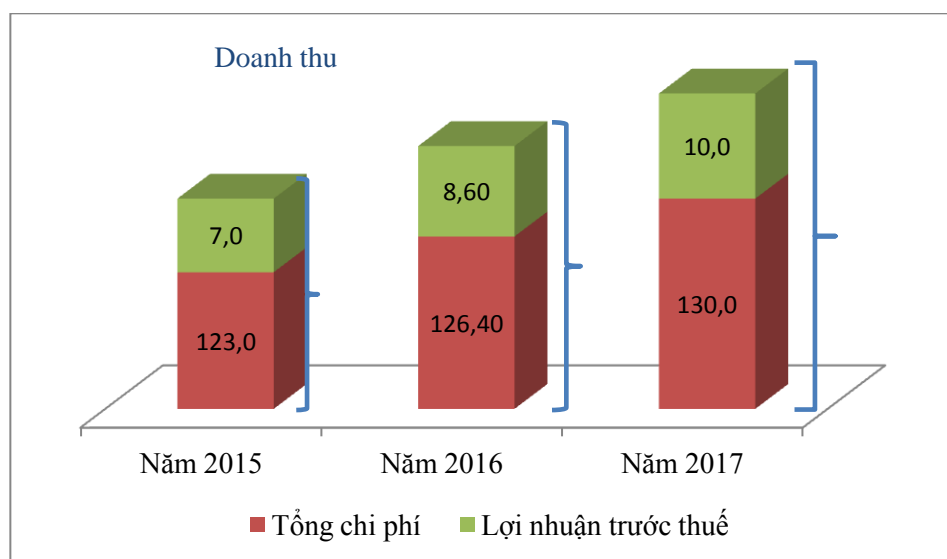
12.2 Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kề sau khi cổ phần hóa

Một số chỉ tiêu chủ yếu sau cổ phần hóa

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm		
		2015	2016	2017
1	Vốn điều lệ	83.100	83.100	83.100
2	Doanh thu	130.00	135.00	140.00
3	Chi phí	123.00	126.40	130.00
4	Lợi nhuận trước thuế	7.00	8.60	10.00
5	Thuế thu nhập DN	1.54	1.72	2.00
6	Lợi nhuận sau thuế	5.46	6.88	8.00
7	Trích các quỹ	0.82	1.03	1.20
7.1	Trích quỹ dự phòng tài chính 5%	0.27	0.34	0.40
7.2	Trích quỹ đầu tư phát triển 3%	0.16	0.21	0.24
7.3	Trích quỹ khen thưởng PL 7%	0.38	0.48	0.56
8	Lợi nhuận để lại chưa chia	0.45	1.14	1.72
9	Lợi nhuận còn lại chia cổ tức	4.19	4.71	5.08
10	Chia cổ tức			
	Cổ tức dự kiến chia	4.16	4.16	4.16
	Tỷ lệ chia Cổ tức dự kiến (%)	5.00	5.00	5.00
11	Tổng quỹ lương	57.60	63.36	69.70
12	Tổng số lao động (người)	370	380	390
13	TNBQ của NLD (triệu đồng/ người /tháng)	12.97	13.89	14.89

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa)



12.3 Các giải pháp thực hiện

Để thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm 2015-2017 đã đề ra, Công ty TNHH MTV Trục vót Cứu hộ Việt Nam đưa ra các nhóm giải pháp chính như sau

❖ Giải pháp về vốn:

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trên các lĩnh vực hoạt động để đưa ra các giải pháp về vốn như sau:

- Vay vốn của các Ngân hàng, vay vốn của các tổ chức và cá nhân với mức lãi suất phù hợp để phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Tích cực thu hồi nợ đọng để quay nhanh vòng vốn;
- Sử dụng nguồn vốn hợp lý, kể cả vốn vay Ngân hàng;
- Đầu tư vốn có trọng điểm, dùng các biện pháp nghiệp vụ để tăng nhanh vòng quay của vốn.

❖ Giải pháp về Phát triển thị trường, ngành nghề kinh doanh

Đây là giải pháp quan trọng để mở rộng thị trường, lựa chọn và cơ cấu lại các mảng sản phẩm, dịch vụ đặc thù, góp phần phát triển các nguồn vốn để tái đầu tư và mở rộng, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, xác định vị thế mới của Công ty trên thị trường với vai trò là nhà đầu tư.

- Không ngừng đa dạng hóa dịch vụ, điều chỉnh kịp thời các dịch vụ theo yêu cầu của từng khách hàng để kiện toàn năng lực phục vụ của Công ty;
- Phát triển khu đất tại 360 Hai Bà Trưng thành tòa nhà văn phòng cho thuê, cũng như phát triển các dự án trên các vị trí đất Công ty đang quản lý tại Thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Quy Nhơn, Hải Phòng.

❖ Giải pháp về Quản trị doanh nghiệp, sắp xếp, đổi mới cơ cấu tổ chức hoạt động:

- Tiếp tục hoàn thiện công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp theo lộ trình của Chính phủ; thay đổi tỷ lệ vốn của Công ty trong trường hợp cần thiết;
- Xây dựng và hoàn thiện bộ quy chế quản trị doanh nghiệp;
- Hoàn thiện cơ chế phối hợp sản xuất, kinh doanh dựa trên nền tảng chia sẻ lợi ích trước mắt và lâu dài nhằm phát triển tăng cường năng lực cạnh tranh;
- Đổi mới mô hình tổ chức, đổi mới công tác quản lý doanh nghiệp, điều hành sản xuất kinh doanh theo hướng đơn giản về thủ tục, thống nhất trong hệ thống, hiệu lực trong quản lý, hiệu quả trong kinh doanh, thân thiện trong quan hệ giữa quản

lý và sản xuất kinh doanh, tôn trọng luật pháp và quan tâm lợi ích của cộng đồng, khách hàng và đối tác chiến lược (nếu có).

Đổi mới tổ chức, tăng cường và nâng cao hiệu lực bộ máy tại Công ty.

- Tiếp tục đổi mới và sắp xếp lại Công ty, đảm bảo chức năng nhiệm vụ vừa trực tiếp chỉ đạo sản xuất kinh doanh, vừa quản lý tốt phần vốn của Nhà nước tại Công ty, vừa từng bước nâng cao hiệu quả điều hành chung của Công ty.
- Kiện toàn, ổn định tổ chức Công ty theo hướng phân công phân nhiệm rõ ràng, giảm đầu mối tạo điều kiện phát huy tối đa năng lực của từng cán bộ, nhân viên.
- Kiện toàn, rà soát chức năng nhiệm vụ cụ thể của từng phòng ban; kiện toàn, rà soát chức danh cho từng vị trí công tác. Rà soát phân loại cán bộ nhân viên để bố trí công việc phù hợp.
- Tổ chức kiểm tra, rà soát các quy chế quản lý của các phòng ban để sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới các quy chế phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị trên cơ sở các quy định của Công ty trong các quy chế đã được ban hành.
- Kiện toàn mô hình tổ chức nâng cao năng lực quản lý và điều hành của các phòng ban. Thể chế hóa mối quan hệ trong giải quyết các công việc giữa các phòng ban trong Công ty.
- Kiện toàn các chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành từ Công ty đến các phòng ban. Sử dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.
- Tổ chức các lớp tập huấn, nâng cao nhận thức các cán bộ quản lý về các thủ tục hành chính, tổ chức kiện toàn hệ thống quản lý hồ sơ, cập nhật và chuyển tải thông tin trong bộ máy điều hành để đảm bảo xử lý chính xác, kịp thời các tình huống trong sản xuất kinh doanh và chấp hành đúng các chỉ thị, mệnh lệnh của lãnh đạo các cấp.
- Tăng cường công tác bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
- Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật – công nghệ trong sản xuất kinh doanh và trong quản lý, dẫn đến các dịch vụ có chi phí hợp lý, hoàn vốn nhanh, có lợi nhuận cao.

- Khai thác các nguồn lực, tiềm năng, thế mạnh của Công ty, các hệ thống quản lý chất lượng, các chương trình công nghệ thông tin mang tính ứng dụng cao, lực lượng lao động chuyên nghiệp và có chuyên môn nghiệp vụ cao, hệ thống đào tạo huấn luyện tiên tiến, ... để tạo ra nguồn thu bổ sung nguồn vốn cho phát triển sản xuất kinh doanh.
- Sử dụng hiệu quả sự hỗ trợ của các nguồn lực tài chính trong nước và nước ngoài (nếu cần thiết).
- Huy động vốn của cán bộ, công nhân viên và trong xã hội (kể cả việc tham gia, giao dịch thị trường chứng khoán,...).
- Bổ sung nguồn vốn từ lợi nhuận hàng năm.
- Phát huy vai trò, trách nhiệm của đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty.
- Xây dựng và quản lý chặt chẽ chi phí; thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong sản xuất và quản lý doanh nghiệp.
- Thực hiện công tác kiểm tra giám sát, kiểm toán nội bộ toàn diện và thường xuyên để nắm bắt tình hình tài chính của Công ty phục vụ công tác quản trị doanh nghiệp.
- Tăng cường công tác quản lý vốn Nhà nước ở Công ty; cân nhắc đầu tư hiệu quả vào các công ty trong ngành có khả năng sinh lời cao.
- Luân chuyển, cân đối các nguồn vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh, đáp ứng được kế hoạch tài chính và đầu tư.
- Tập trung thanh quyết toán các dự án đầu tư đầy đủ, kịp thời, thu hồi công nợ hạn chế tồn đọng nợ.

❖ ***Giải pháp về Phát triển nguồn nhân lực:***

Lập chương trình rà soát toàn diện về chất lượng, số lượng nguồn nhân lực hiện có để xây dựng kế hoạch cụ thể cho công tác đào tạo, tuyển dụng và phát triển nguồn nhân lực theo phương châm "Chất lượng thay cho số lượng";

Xây dựng chính sách quan tâm phát triển đội ngũ cán bộ, chuyên gia cao cấp có trình độ cao đáp ứng cho yêu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ, kỹ năng quản trị và phát triển doanh nghiệp;

Xây dựng lộ trình và kế hoạch từng năm để phát triển một đội ngũ nhân sự đầu ngành trong nước; thuê chuyên gia nước ngoài trong ngắn hạn nếu cần thiết; thực hiện đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên đáp ứng khả năng và yêu cầu dịch vụ cho thị trường khu vực và quốc tế;

Chương trình bồi dưỡng, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tập trung vào các nội dung sau:

- Tăng cường năng lực quản trị kinh doanh của cán bộ quản lý thông qua việc quy hoạch và cử đi bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ quản lý nâng cao;
- Phát triển năng lực quản trị chiến lược của cán bộ quản lý chủ chốt, bồi dưỡng, phát triển năng lực quản lý chiến lược và tư duy chiến lược cho đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt với sự chú trọng đặc biệt vào những kỹ năng như phân tích kinh doanh, dự đoán và định hướng chiến lược, lý thuyết và quản trị chiến lược, quản trị rủi ro và tính nhạy cảm trong quản lý;
- Bồi dưỡng khả năng kinh doanh quốc tế và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của Công ty. Đối với đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp, để nâng cao khả năng làm việc và giao dịch quốc tế, tiếp cận các tiêu chuẩn, các thông lệ của thế giới thì cần chú trọng phát triển những kiến thức, kỹ năng chủ yếu như: năng lực về ngoại ngữ, kiến thức cơ bản về văn hoá, xã hội, lịch sử trong kinh doanh quốc tế;
- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ và mở rộng kiến thức ở các lĩnh vực khác liên quan khác đáp ứng mục tiêu và yêu cầu phát triển của Công ty những năm tiếp theo. Đầu tư có trọng điểm cho công tác đào tạo các cán bộ quản lý chuyên nghiệp, đội ngũ nhân viên năng động, chuyên nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế;
- Hàng năm, tổ chức tuyển chọn cán bộ có năng lực, trình độ và phẩm chất chính trị tốt cử đi đào tạo chuyên sâu các chuyên ngành dịch vụ;
- Tổ chức các hoạt động tái đào tạo và tự đào tạo cho cán bộ, công nhân viên trong Công ty. Hoàn thiện hệ thống chính sách về tuyển dụng nhân sự và sử dụng nguồn nhân lực sau đào tạo theo hướng chuyên nghiệp hóa. Tìm kiếm, thu hút

các ứng viên có trình độ, chất lượng, có đạo đức, phẩm chất và các cán bộ quản lý giỏi đóng góp trí tuệ và công sức cho sự phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty nhất là ở các lĩnh vực mà hiện tại Công ty còn thiếu;

- Tiếp tục cải thiện chế độ tiền lương, thu nhập của cán bộ công nhân viên theo hướng phát huy năng lực, trí tuệ, kinh nghiệm và hiệu quả công tác, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối người lao động có trình độ cao, hiệu suất công tác cao nhằm tạo sự gắn bó lâu dài với Công ty, động viên người lao động nỗ lực hơn trong học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;
- Thực hiện chính sách luân chuyển, bổ nhiệm và xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn kế thừa.

Đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý:

- Đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý; thực hiện chiến lược trẻ hóa đội ngũ cán bộ, xây dựng lớp cán bộ lãnh đạo quản lý trẻ khỏe, có phẩm chất tốt, có nhiệt huyết xây dựng Công ty, có năng lực, có kiến thức, năng động nhạy bén với nền kinh tế thị trường, kiên quyết trong quản lý điều hành, quyết tâm thực hiện và hoàn thành trách nhiệm được giao;
- Tiến hành rà soát, phân loại cán bộ hiện có trên cơ sở tiêu chuẩn cán bộ, khả năng phát triển của mỗi người để xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo Công ty. Trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo, đảm bảo hài hòa giữa các độ tuổi để tránh tình trạng thiếu hụt cán bộ lãnh đạo kế thừa;
- Tiến hành bồi dưỡng, đào tạo cán bộ theo quy hoạch để đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn khi cần thiết sử dụng được ngay, không bị động trong công tác cán bộ. Xây dựng được một lực lượng cán bộ lãnh đạo có năng lực để bổ sung cho các chức danh còn thiếu;
- Giao cho Đoàn thanh niên Công ty giới thiệu các ứng viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ giỏi, có phẩm chất đạo đức tốt, ý chí tiến thủ và tư chất lãnh đạo, sẵn sàng làm việc lâu dài cho Công ty trong độ tuổi từ 25 – 35 tuổi để tiến hành đào tạo, sử dụng có hiệu quả nguồn lực này;
- Có chế độ khuyến khích đối với các cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý trao dồi ngoại ngữ để chủ động trong giao dịch quốc tế.

Đối với cán bộ nghiệp vụ

- Thống kê nắm chắc tình hình cán bộ nghiệp vụ của Công ty. Phân loại để sắp xếp bố trí đúng năng lực, sở trường;
- Thực hiện nghiêm túc quy chế tuyển dụng cán bộ chuyên môn nghiệp vụ; khi có nhu cầu tuyển dụng sẽ tiến hành sát hạch, kiểm tra trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và các yêu cầu khác đối với vị trí tuyển dụng;
- Tạo động lực cho việc chủ động trau dồi, cập nhật kiến thức khoa học công nghệ và khoa học quản lý của cán bộ nhân viên và kịp thời xử lý các trường hợp không tương xứng với nhiệm vụ, với yêu cầu phát triển của đơn vị;
- Thực hiện việc luân chuyển cán bộ chuyên môn nghiệp vụ ở cơ quan quản lý, điều hành và cán bộ trực tiếp sản xuất để có điều kiện tiếp thu kinh nghiệm thực tiễn và kỹ năng quản lý.

Đối với đội ngũ nhân viên trực tiếp

- Thống kê, quản lý tốt nhân viên trực tiếp có chuyên môn, nghiệp vụ cao để cân đối với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị; xây dựng chế độ đãi ngộ hợp lý và quản lý chặt chẽ các đối tượng này; luôn xem đội ngũ nhân viên trực tiếp là tài sản vô giá của đơn vị; xây dựng quy chế về quản lý, điều động, chính sách đãi ngộ đối với nhân viên giỏi;
- Tổ chức đào tạo nâng cao cho lực lượng lao động của Công ty; chú trọng đào tạo các kỹ năng nghiệp vụ chuyên sâu và kỹ năng mềm nâng cao.

❖ Giải pháp về Xây dựng thương hiệu Công ty:

Quảng bá hình ảnh của Công ty (Visal) qua sự hợp tác với các cơ quan truyền thông, báo chí, các tổ chức xã hội phạm vi trong nước và quốc tế. Nêu cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên toàn Công ty về xây dựng và bảo vệ hình ảnh, thương hiệu Công ty (Visal);

Xây dựng thương hiệu dịch vụ mạnh, kết hợp với nguồn nhân lực chất lượng cao để tạo ưu thế trong cạnh tranh thông qua các biện pháp:

- Kiểm soát về tiêu chuẩn, chất lượng, giá cả đối với sản phẩm, dịch vụ đặc thù chuyên ngành;

- Xây dựng chương trình, kế hoạch giành các giải thưởng cao về dịch vụ do khách hàng hay các tổ chức chuyên ngành khởi xướng;
- Duy trì và không ngừng cải tiến các hình thức quảng bá thương hiệu trên các kênh quảng bá chuyên ngành cả truyền thống và hiện đại;
- Duy trì và không ngừng củng cố hợp tác chặt chẽ với các đơn vị thành viên.

❖ ***Giải pháp về Xây dựng văn hóa doanh nghiệp:***

- Xây dựng phong cách lao động chuyên nghiệp và có kỷ luật cao;
- Chấp hành nghiêm kỷ luật lao động và đặc biệt là thực hiện nghiêm túc, tuân thủ tuyệt đối các quy trình, hướng dẫn công việc liên quan đến đảm bảo an ninh, an toàn trong công tác phục vụ;
- Phong cách làm việc tiên tiến, chuyên nghiệp, sáng tạo, vượt lên mọi khó khăn;
- Xây dựng văn hóa kinh doanh với triết lý đôi bên cùng có lợi;
- Luôn tôn trọng và sẵn sàng hợp tác với khách hàng, đối tác;
- Tự tin, trung thực trong công việc và là đối tác tin cậy của đối tác, khách hàng;
- Xây dựng phong cách văn minh và nếp sống văn hóa;
- Rèn luyện phong cách ứng xử văn minh cho mọi đối tượng tại các đơn vị, nhất là những đối tượng thường xuyên giao tiếp với các khách hàng, đối tác trong và ngoài nước của Công ty;
- Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, thăm quan, nghỉ mát cho tập thể lao động, quan tâm đầy đủ đến đời sống tinh thần của cán bộ, công nhân viên;
- Chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp của Công ty, tổ chức tuyên truyền vận động và triển khai bằng các phong trào cụ thể.

❖ ***Giải pháp về Nâng cao chất lượng công tác chăm sóc khách hàng:***

- Thay đổi phương thức tiếp cận khách hàng bằng nhiều hình thức khác nhau;
- Cải tiến không ngừng phương thức phục vụ khách hàng, đặc biệt lưu ý phương thức chăm sóc khách hàng trước và sau khi cung cấp dịch vụ;
- Cải tiến các thủ tục, quy trình trong khi cung cấp dịch vụ nhằm đơn giản hóa và tăng hiệu suất công việc; chủ động liên hệ, tiếp nhận và xử lý thông tin với khách hàng, đáp ứng ngày một tốt hơn yêu cầu của khách hàng;

- Mở rộng quan hệ đối với các đối tác tiềm năng nhằm đẩy mạnh trao đổi, tiếp nhận công nghệ mới và tìm kiếm các cơ hội mới;
- Kiện toàn hệ thống đánh giá sự thỏa mãn của khách hàng, theo sát dịch vụ cung ứng và xây dựng các chương trình đảm bảo chất lượng dịch vụ;
- Liên doanh, liên kết với các công ty quốc tế trong ngành, các nhà đầu tư để phát triển thị trường và khách hàng.

❖ **Giải pháp về Tăng cường năng lực cạnh tranh:**

Cạnh tranh hiệu quả bằng cách không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ: Công ty tiếp tục duy trì nguyên tắc cung cấp các dịch vụ kỹ thuật với chất lượng tốt nhất, mang lại hiệu quả cao nhất cho khách hàng; Chất lượng dịch vụ là yếu tố chính tạo nên thương hiệu Visal;

Khác biệt hóa vị thế của Công ty với các doanh nghiệp khác cùng ngành để tạo nên lợi thế cạnh tranh bằng các phát huy thế mạnh của Công ty trong nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến;

Tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh của dịch vụ thông qua các giải pháp:

- Đầu tư cho phát triển nhân lực, trang thiết bị, các phần mềm hỗ trợ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và khác biệt hóa dịch vụ;
- Tối ưu hóa quy trình quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ để hợp lý hóa giá thành;
- Nâng cao năng lực cạnh tranh bằng cách cải tiến phương thức hỗ trợ và chăm sóc khách hàng;
- Thực hiện các hoạt động tiếp thị thông qua việc tham dự thường xuyên và rộng rãi các diễn đàn, kỳ họp chuyên ngành trong và ngoài nước;
- Từng bước mở rộng hoạt động tiếp thị sang các thị trường mới, với các đối tượng khách hàng mới thông qua các hoạt động liên kết với các đối tác bên ngoài.

❖ **Giải pháp về công tác chính trị, tư tưởng, đoàn thể:**

- Xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp công tác giữa Đảng ủy, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành.

- Đảng bộ Công ty thường xuyên phối hợp với Hội đồng Quản Trị, Giám đốc điều hành đưa ra các đường lối, chủ trương, các biện pháp, giải pháp cụ thể để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - Giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ Đảng viên, người lao động thực hiện đúng đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
 - Xây dựng tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị, đoàn thể phát triển vững mạnh.
 - Tăng cường giáo dục đội ngũ cán bộ CNV phát huy truyền thống phát triển và trưởng thành của Công ty để đưa Công ty ngày càng phát triển một cách vững chắc.
 - Các Đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên thường xuyên phối hợp với Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc điều hành để đưa ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kinh tế, xã hội Công ty đã đề ra; Động viên tinh thần người lao động thuộc tổ chức mình để họ yên tâm, phấn khởi thi đua lao động phát triển sản xuất;
 - Phát động các phong trào thi đua trên các công trường nhằm động viên các bộ phận, đơn vị hoàn thành nhiệm vụ; Khen thưởng kịp thời về vật chất và tinh thần cho các đơn vị, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;
 - Đưa ra các giải pháp thực hiện tốt quy chế dân chủ trong Công ty cổ phần.
 - Quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động bằng cách thường xuyên tổ chức các hoạt động phong trào thể dục thể thao, văn hoá, văn nghệ ...
- ❖ ***Giải pháp về Giải pháp về phòng chống tham nhũng, tiết kiệm, chống lãng phí:***
- Thực hành tiết kiệm và chống tham nhũng, lãng phí là một trong những giải pháp quan trọng để thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế xã hội Công ty đã đề ra:
 - Tuyên truyền, giáo dục và tổ chức học tập quán triệt Luật Phòng chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cho cán bộ, công nhân viên và người lao động trong Công ty.
 - Thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong quá trình sản xuất, tiêu dùng;
 - Có chế độ khen thưởng xứng đáng cho những tập thể, cá nhân có thành tích trong tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí;

- Đề ra các biện pháp chống tham nhũng, lãng phí như: Thực hiện kê khai tài sản đối với cán bộ Đảng viên theo đường lối của Đảng và Pháp luật của Nhà nước; Giám sát việc kê khai tài sản của các đối tượng kê khai; Đưa ra các quy chế quản lý tài chính, vật tư thiết bị, thanh toán tiền lương vv... và giám sát việc thực hiện các quy chế.
- Thường xuyên rà soát, sửa đổi bổ sung hoàn chỉnh bộ định mức giao khoán các đơn vị nội bộ.

13. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

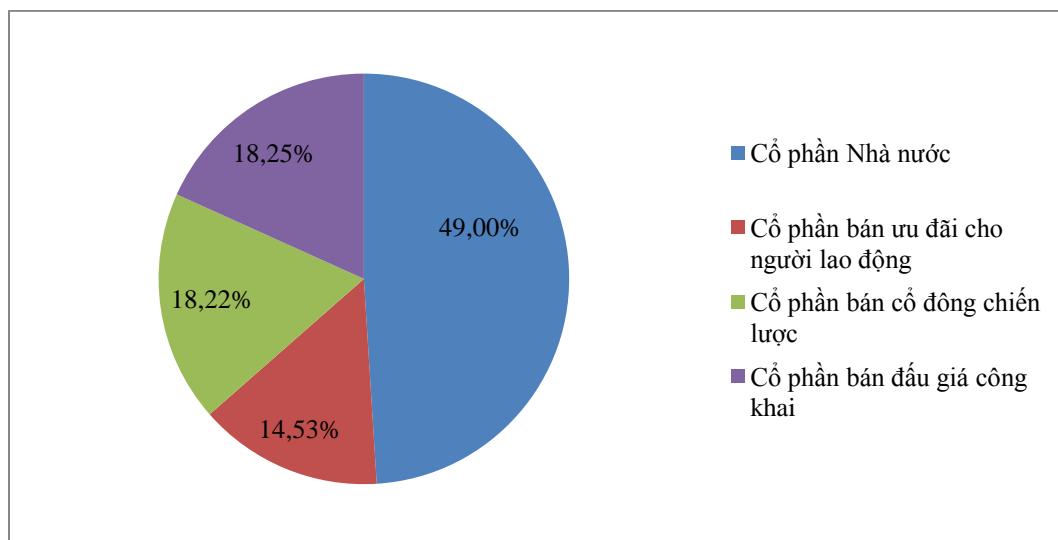
13.1 Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ: 83.100.000.000 đồng (*Tám mươi ba tỷ một trăm triệu đồng chẵn*).
- Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty cổ phần dự kiến như sau:

Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty cổ phần dự kiến

TT	Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ cổ phần/ VDL (%)
1	Cổ phần Nhà nước	4.071.900	40.719.000.000	49,00%
2	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động	1.207.200	12.072.000.000	14,53%
3	Cổ phần bán cho đối tác chiến lược	1.514.082	15.140.820.000	18,22%
4	Cổ phần bán đấu giá công khai	1.516.818	15.168.180.000	18,25%
	Tổng	8.310.000	83.100.000.000	100,00%

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa)



13.2 Phương án tăng giảm vốn điều lệ sau khi chuyển thành công ty cổ phần

Công ty dự kiến giữ nguyên Vốn điều lệ là 237.350.000.000 đồng trong 02 năm đầu tiên sau cổ phần hóa. Tùy theo nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh, Công ty sẽ tăng vốn điều lệ từ nguồn tích lũy lợi nhuận sau thuế hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

14. Các rủi ro dự kiến

14.1 Rủi ro về kinh tế

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng.

14.2 Rủi ro về luật pháp

Việt Nam đã chính thức gia nhập WTO, các Công ty trong nước đứng trước cơ hội pháp lý thông thoáng, phù hợp với chuẩn mực quốc tế và khu vực hơn nhưng đồng thời cũng sẽ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro do những biến động pháp lý đem lại. Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bán buôn, kinh doanh dịch vụ được cổ phần hoá từ doanh nghiệp Nhà nước, do đó doanh nghiệp sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp từ các Luật và Bộ luật đặc thù như Pháp luật về cổ phần hoá, Luật Doanh nghiệp, Pháp luật về Thuế, Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, ... Hiện nay, các văn bản hướng dẫn và văn bản dưới Luật của các Luật này chưa đồng bộ và đang được hoàn thiện, bổ sung, sửa đổi. Vì vậy các rủi ro này có ảnh hưởng không tốt đến việc chuyển đổi mô hình hoạt động cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp. Việc cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành sẽ càng mạnh mẽ hơn.

14.3 Rủi ro đặc thù

Kinh doanh trực vớt tàu, hàng hóa, tìm kiếm cứu nạn trên biển; Lai dắt, hỗ trợ tàu biển và các phương tiện nổi tại các vùng nước cảng biển và đường dài; Dịch vụ hàng hải và kỹ thuật ngầm dưới nước; Đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy

14.4 Rủi ro của đợt chào bán

Rủi ro của đợt chào bán cổ phần lần đầu ra bên ngoài công chúng xảy ra khi số lượng cổ phần thực tế bán được thấp hơn số lượng dự kiến chào bán. Đợt chào bán cổ phần lần đầu ra bên ngoài công chúng của Doanh nghiệp được thực hiện trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và Việt Nam gặp nhiều khó khăn. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam 2 năm gần đây ở mức thấp nhất trong 10 năm qua, tỷ lệ lạm phát dù đã hạ nhiệt trong năm 2013 nhưng giá một số mặt hàng thiết yếu dự kiến sẽ điều chỉnh tăng như giá xăng dầu, giá điện, nước, giá lương thực, thực phẩm, ... đe dọa gia tăng lạm phát trong thời gian tới. Bên cạnh đó, thị trường chứng khoán đã hồi phục song vẫn chưa thực sự mạnh mẽ, mặt bằng giá cổ phiếu đang ở mức thấp. Đợt chào bán cổ phần lần đầu ra bên ngoài công chúng không thực hiện theo phương thức bảo lãnh phát hành vì vậy các yếu tố này sẽ ảnh hưởng tới mức độ thành công của đợt chào bán.

14.5 Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính chất bất thường, khách quan, khả năng xảy ra rất hiếm hoi, đó là các hiện tượng do thiên tai gây ra như động đất, bão lụt hay chiến tranh... Những rủi ro này rất hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây hậu quả rất nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như gây ra tổn thất về mặt cơ sở hạ tầng, đình trệ sản xuất, gián đoạn kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

15. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần

15.1 Phương thức bán

a. Đối với người lao động

Số cổ phần CBCNV trong Công ty mua theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ được tính là 100 cổ phần cho 1 năm làm việc trong khu vực nhà nước, giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược.

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp là: 363 người;
- Tổng số CBCNV được mua cổ phần theo số năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước: 344 người;

- Tổng số CBCNV không được mua cổ phần ưu đãi: 19 người do thời gian công tác tại khu vực nhà nước dưới 1 năm.
- Tổng số năm công tác của toàn bộ số CBCNV được mua cổ phần theo số năm thực tế làm việc tại khu vực Nhà nước: 5.015 năm.

Tổng số cổ phần CBCNV được mua theo quy định của hình thức này là 501.500 cổ phần với mệnh giá là 5.015.000.000 đồng chiếm 6,03% vốn điều lệ công ty cổ phần.

Thời gian thực hiện bán cổ phần ưu đãi cho cán bộ công nhân viên: Việc triển khai bán cổ phần cho cán bộ công nhân viên sẽ thực hiện sau khi bán thỏa thuận cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược.

Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV mua thêm theo số năm cam kết và lao động chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao là 705.700 cổ phiếu, tương đương 7.057.000.000 đồng chiếm 8,49 % vốn Điều lệ của Công ty cổ phần. Giá bán cổ phần mua thêm theo năm cam kết bằng giá đấu thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược.

Trong đó:

- Người lao động đăng ký mua theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần theo mức 200 cổ phần/ năm là: 512.200 cổ phần chiếm 6,16 % vốn điều lệ công ty cổ phần (275 người).
- Số lao động đăng ký mua theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần của người là chuyên gia giỏi, trình độ chuyên môn cao theo mức 500 cổ phần/ năm là: 193.500 cổ phần chiếm 2,33 % vốn điều lệ công ty cổ phần (50 người).

. Cổ phần bán cho người lao động theo cam kết làm việc được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.

b. Đối với nhà đầu tư chiến lược

Công ty xây dựng tiêu chí chọn nhà đầu tư chiến lược theo khoản 3 Điều 6 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ.

- ❖ **Tiêu chí chọn nhà đầu tư chiến lược.** Nhà đầu tư chiến lược phải đáp ứng đồng thời 4 tiêu chí sau đây:

- Nhà đầu tư chiến lược phải có một trong các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh trục vớt tàu, hàng hóa; Tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên biển; Lai dắt, hỗ trợ tàu biển và các phương tiện nổi tại các vùng nước cảng biển và đường dài; Dịch vụ hàng hải và kỹ thuật ngầm dưới nước; Đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy.
- Nhà đầu tư chiến lược có kinh nghiệm quản trị và điều hành một trong các công việc là quản lý đội tàu cứu hộ, cứu nạn trên biển; Kinh doanh trục vớt tàu, hàng hóa; Tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên biển; Lai dắt, hỗ trợ tàu biển và các phương tiện nổi tại các vùng nước cảng biển và đường dài; Dịch vụ hàng hải và kỹ thuật ngầm dưới nước; Đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy từ đủ 2 năm (thời gian một năm tính đủ 12 tháng) trở lên.
- Nhà đầu tư chiến lược có năng lực tài chính, có vốn đầu tư của chủ sở hữu từ 50 tỷ đồng trở lên và không có lỗi lũy kế thể hiện trên Báo cáo tài chính gần nhất (Tại ngày 31/12/2013 hoặc ngày 30/6/2014), doanh nghiệp không vi phạm pháp luật.
- Nhà đầu tư chiến lược phải có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp, không chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 5 năm, kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hóa về chuyển giao công nghệ mới; Đào tạo nguồn nhân lực; Nâng cao năng lực tài chính; Quản trị doanh nghiệp; Cung cấp nguyên vật liệu; Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm.

❖ Nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua cổ phần của Công ty:

Hiện nay có 6 Nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua cổ phần của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Hàng hải Dầu khí Hải Âu;
- Công ty TNHH Hải Dương;
- Công ty TNHH Hàng Hải Sao Mai;
- Công ty Cổ phần Tàu dịch vụ Dầu khí Hải Dương;

- Công ty TNHH Dịch vụ lặn Lam Hồng;
- Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Minh Hoàng.

Ban Chỉ đạo cổ phần hóa sẽ lựa chọn không quá 3 nhà đầu tư chiến lược phù hợp với tiêu chí nêu trên.

❖ **Số lượng cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược:**

Số lượng cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược là 1.514.082 cổ phần, tương đương số tiền theo mệnh giá là 15.140.820.000 đồng, chiếm 18,22 % vốn điều lệ.

❖ **Thời điểm bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược:**

Công ty sẽ thực hiện bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược trước khi bán đấu giá công khai

❖ **Phương thức và giá bán cho nhà đầu tư chiến lược:**

- **Phương thức bán:** Trong trường hợp các nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua cổ phần không vượt quá số cổ phần Công ty chào bán cho các nhà đầu tư chiến lược, Công ty sẽ bán thỏa thuận trực tiếp với từng nhà đầu tư chiến lược trước khi bán đấu giá công khai.
- **Giá bán:** Theo kết quả thỏa thuận với từng nhà đầu tư chiến lược, nhưng không thấp hơn giá khởi điểm được phê duyệt.
- **Thời gian hạn chế chuyển nhượng:** Nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm, kể từ ngày trở thành cổ đông của Công ty.
- **Giá khởi điểm bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược:** 10.000 đồng/cổ phần.

❖ **Đặt cọc:**

Nhà đầu tư chiến lược phải đặt cọc ngay 10% giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa phê duyệt. Trường hợp từ bỏ quyền mua, nhà đầu tư không được nhận lại tiền đặt cọc.

c. Đối với nhà đầu tư tham dự đấu giá

Tổng số cổ phần thực hiện bán đấu giá ra bên ngoài như sau:

- Tổ chức bán đấu giá 1.516.818 cổ phần, tương đương với số tiền là 15.168.180.000 đồng cho các nhà đầu tư bên ngoài, chiếm 18,25 % vốn Điều lệ của Công ty cổ phần.

- Giá khởi điểm: 10.000 đồng / cổ phần
- Thời gian bán đấu giá: dự kiến trong tháng 12 năm 2014, sau khi có Quyết định của cấp có thẩm quyền về phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Trục Vớt Cứu hộ Việt Nam.
- Đối tượng tham gia đấu giá : Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư là tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật .
- Phương thức đấu giá cổ phần được quy định chi tiết tại “Quy chế bán đấu giá cổ phần của Công ty TNHH MTV Trục Vớt Cứu hộ Việt Nam” do Hội đồng đấu giá ban hành.

15.2 Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- Đối với cổ phần đấu giá công khai:

Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần được quy định chi tiết tại “ Quy chế bán đấu giá cổ phần của Công ty TNHH MTV Trục Vớt Cứu hộ Việt Nam” do Hội đồng đấu giá ban hành.

- Đối với cổ phần bán cho người lao động:

Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán được thực hiện tại Công ty theo danh sách đã được phê duyệt.

16. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

Việc quản lý, quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa được thực hiện theo quy định tại mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước, tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá đấu bình quân là 10.000 đồng/cổ phần, chi tiết như sau:

Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	83.100.000	(1)
2	Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	82.874.868	(2)

3	Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm để lại DN	225.132	(3) = (1) - (2)
4	Giá trị mệnh giá Nhà nước nắm giữ	40.719.000	(4)
5	Giá trị phần vốn Nhà nước cần được hoàn về	42.155.868	(5) = (2) - (4)
6	Tiền thu từ cổ phần hoá	40.375.000	(6=6.1+6.2+6.3+6.4)
6.1	<i>Thu từ bán cổ phần cho CBCNV theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực nhà nước</i>	3.009.000	(6.1) = 60% giá đấu thành công lần thấp nhất cho nhà đầu tư chiến lược
6.2	<i>Cổ phần bán cho CBCNV mua thêm theo số năm cam kết và lao động chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao</i>	7.057.000	(6.2)=Giá bán thành công thấp nhất cho nhà đầu tư chiến lược
6.3	<i>Thu từ bán cổ phần cho cổ đông chiến lược</i>	15.140.820	(6.3)
6.4	<i>Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài</i>	15.168.180	(6.4)
7	Giá trị cổ phần bán cho CBCNV và bán đấu giá tính theo mệnh giá	42.381.000	(7)
8	Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện	499.901	(8)
9	Chi trả trợ cấp cho lao động dôi dư	912.161	(9)
10	Phần thặng dư vốn để lại DN tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm/ Vốn Điều lệ	-	(10)
11	Tổng số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng Hải Miền Nam	38.737.806	(11=2-4+6-7-8-9-10)

Nguồn: Phương án cổ phần hóa

Số tiền thu được từ cổ phần hóa doanh nghiệp sẽ sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa theo chế độ nhà nước quy định. Phần còn lại nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam.

17. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung các thông tin về doanh nghiệp cổ phần hóa

16.1 Đại diện Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp

- Ông Phạm Văn Quang Trưởng BCD CPH

16.2 Doanh nghiệp cổ phần hóa

CÔNG TY TNHH MTV TRỰC VỚT CỨU HỘ VIỆT NAM

- Ông Nguyễn Văn Khá Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Trọng Hiếu Phó Tổng giám đốc
- Ông: Nguyễn Văn Trang Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là khách quan, trung thực, phù hợp với thực tế để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH MTV Trực Vớt Cứu Hộ Việt Nam trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

16.3 Đơn vị tư vấn đấu giá

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

- Ông **Mai Trung Dũng** Phó Giám đốc Công ty – Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí.
- Ông **Phạm Thành Tuân** Giám đốc tư vấn Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí.

Việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Trực Vớt Cứu hộ Việt Nam cung cấp. Chúng tôi đảm bảo rằng các bước thực hiện và nội dung Bản công bố thông tin này đã tuân thủ theo đúng những trình tự bắt buộc nhưng không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán.

V. THAY LỜI KẾT

Việc đánh giá, lựa chọn thông tin và ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên các thông tin, số liệu do Công ty TNHH MTV Trực Vớt Cứu hộ Việt Nam cung cấp, thông qua. Chúng tôi cung cấp thông tin với mục đích giúp các nhà đầu tư nhìn nhận doanh nghiệp dự định đầu tư một cách khách quan, sáng suốt trước khi tham dự đấu giá mua cổ phần của Công ty TNHH MTV Trực Vớt Cứu hộ Việt Nam.

Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Trực Vớt Cứu hộ Việt Nam đã tiến hành soát xét và phê duyệt Bản công bố thông tin bán đấu giá cổ phần của Công ty. Ban

chỉ đạo cổ phần hóa và Công ty TNHH MTV Trục Vớt Cứu hộ Việt Nam xin cam kết Bản công bố thông tin trên đây được lập trên cơ sở các dữ liệu, thông tin theo đúng quy định, đảm bảo tính trung thực, đầy đủ, chính xác, công khai. Trong trường hợp có sự kiện bất thường phát sinh gây ảnh hưởng tới giá trị doanh nghiệp, làm thay đổi thông tin trong bản công bố, chúng tôi cam kết sẽ kịp thời thông báo cho các bên liên quan đảm bảo lợi ích hợp pháp của các đối tượng sử dụng thông tin.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo kỹ Bản công bố thông tin này trước khi quyết định mua cổ phần của Công ty TNHH MTV Trục Vớt Cứu hộ Việt Nam.

Chúc các nhà đầu tư tham dự buổi đấu giá thành công. Xin trân trọng cảm ơn!

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2014

**ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
TRƯỞNG BAN**



PHẠM VĂN QUANG

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY
CHỦ TỊCH KIỂM TÔNG GIÁM ĐỐC – ỦY VIÊN BCĐ CỔ PHẦN HÓA**



NGUYỄN VĂN KHÁ